ĐOÀN THÊM

TỪ-THỨC

hay là KẺ TÌM ĐƯỜNG

TỰA CỦA VŨ-VĂN-MẪU

THÁI-VĂN-KIỂM
CHÚ THÍCH

ĐOÀN-THÊM

TỪ-THỨC

hay là

KẺ TÌM ĐƯỜNG

Tựa của VŨ-VĂN-MẪU

Chú-thích của THÁI-VĂN-KIỂM

« Than ôi, nói chuyện quái sợ loạn chuyện
« thường, cho nên thánh hiền không nói.
« Nhưng việc Từ-Thức lấy vợ tiên, cho là
« thực không ư ? Chưa hẳn là không, cho
« là có thực ư ? Chưa hẳn là có. Có không
« lờ mờ, câu chuyện tựa hồ quái đản.....
« *Những bậc quân-tử sau này khi để mắt*
« *đến, sẽ liệu mà thêm bớt bỏ chỗ quái mà*
« *để chỗ thường, thì phỏng có gì là hại ?* »

NGUYỄN - DỮ
Truyền - Kỳ Man - Lục
(Bản dịch của Trúc-Khê Ngô-Văn-Triện)

TỰA

—•—

Trên thế-giới, có lẽ không dân-tộc nào ưa chuộng thi-ca bằng dân-tộc Việt-Nam : hầu hết những áng văn vần có giá-trị như Chinh-phụ-ngâm, Cung-oán ngâm-khúc, Hoa-Tiên-truyện, Kim-Vân-Kiều, Lục-Vân-Tiên. . . . . , không những được giới trí-thức ngâm vịnh, còn được truyền tụng trong các tầng lớp dân-chúng.

Sở-dĩ sự truyền-bá thi-ca được tự-nhiên sâu rộng như vậy, mặc dầu các phương-tiện ấn-loát trong các thế-kỷ trước rất eo-hẹp, chính là vì dân-tộc rất ham thích văn-chương, nhất là văn-chương thuần-túy Việt-Nam.

Song đối với những điều sở-vọng đáng quí của dân-tộc, tiếc thay con số những giai-phẩm thi - ca còn quá ít. Hơn nữa, trong non một thế-kỷ ngoại-thuộc, nguồn cảm-hứng của thi-nhân hầu như đã bị khô cạn một phần nào.

x x x

Tập thơ « Từ - Thức hay Kẻ tìm đường » của ông Đoàn-Thêm, phải chăng đã đánh dấu một giai-đoạn mới trong thi-văn Việt-Nam ?

Đoàn-quân vốn là một nhà nghiên-cứu. Song với một tâm-hồn thi-sĩ, một ngọn bút điêu-luyện, học-giả họ Đoàn, theo gương tiền-bối, cũng thường mượn thi-văn để ghi lại cảm-hoài và tư-tưởng.

Tuy-nhiên phải đợi đến đầu năm 1958, nhà thi-sĩ « không bao giờ nghĩ đến in thơ » mới chịu chiều ý bằng-hữu, xuất bản tập thơ đầu tiên : TAJ MAHAL, viết sau một cuộc công-cán ở Ấn-Độ.

Nếu tập TAJ MAHAL đã giới thiệu với chúng ta một thi-sĩ giầu tình-cảm, khéo biết dùng âm-thanh nhạc-điệu để diễn tả cái đẹp của tâm-tình, thì giai-phẩm Từ-Thức, ngoài những ưu-điểm trên, còn cố giải quyết một vấn-đề triết-lý theo một nhân-sinh-quan cao-thượng lấy quyền-lợi của đoàn-thể và xã-hội làm tiêu-chuẩn.

Các thi-sĩ thường hay đem tâm-sự của mình ký thác trong thơ phú, và mượn tình cảnh người trong truyện để dãi tỏ tấc lòng riêng. Qua những vần thơ miêu-tả nỗi thắc-mắc tế-nhị của một khách tài-hoa, băn-khoăn đi tìm chân-lý, thi-sĩ họ Đoàn đã phân tích tâm-trạng của không biết bao nhiêu người cùng chung cảnh-huống với họ Từ :

« Biết sao cho thuận lẽ trời,
Tìm đường chưa chắc suốt đời đã xong.
Giăng tròn rạng cảnh hư-không,
Thông-minh càng thấy nỗi lòng hoài-nghi ».

Tâm-trạng này, trong thời-đại nào cũng gặp. Đem thông-minh tài-trí để đạt kết-quả quá tầm-thường là sự vinh-thân phi-gia, hay tìm giải-pháp tiêu-cực cầu an tránh mọi trách-nhiệm, hai thái-độ này đều có tánh-cách vị-kỷ, trái với luật tiến-hóa của nhân-loại.

« Bốn phương kiếm chốn tiêu sầu,
Hợp-quần mới biết sở-cầu đáng khinh.
Đi tìm sinh-thú một mình,
Ngàn trùng chỉ thấy lộ-trình vắng tanh. »

Treo ấn từ quan, ngao-du tìm chân-lý, rồi lên cõi tiên thành-hôn với Giáng-Hương, sống một cuộc đời sung-mãn, bên cạnh giai-nhân, Từ-Thức lại từ biệt xuống trần, về hương-thôn cũ, hòa mình vào đời sống của nhân-dân, gắng sức nâng cao mực sống tinh-thần và vật-chất của những người chung quanh mình.

Không có ý thuật lại một truyện thần-thoại hay chỉ diễn tả một mối tình giữa tiên-nương và người phàm-tục, tác-giả trước hết dụng-ý mượn vai trò Từ-Thức để đặt vấn-đề trách-nhiệm của các phần-tử trí-thức đối với non sông đất nước.

Khung-cảnh thần tiên, cuộc đời cực-lạc nơi cung-điện nguy-nga của Tây-Vương-Mẫu, chỉ là những yếu-tố làm nổi bật thêm giá-trị quyết-định của Từ-Thức trở về trần góp phần xây dựng cùng đồng-chủng.

« Lánh non tiên vui thú riêng mình,
« Nhớ đồng-loại, tự khinh và tự trách,
« Xa cố-lý, bâng-khuâng hồn lữ-khách,
« Xót thương người đói rách lầm than . . . »

Cho nên tác-giả, theo lối thông-thường của thi-sĩ Tây-phương, đã không ngần-ngại thay đổi một vài chi-tiết trong truyện cũ.

Theo Truyền-kỳ Man-Lục của Cụ Nguyễn-Dữ, viết vào khoảng đầu thế-kỷ 16, thì Từ-Thức sau khi về cố-hương, chắc

lòng còn chưa dứt hẳn được mối tình đầu, một hôm lại đội nón ra đi, rồi mãi mãi không trở lại . . . . .

Trái lại, theo thi-sĩ họ Đoàn, Từ-Thức đã cố xa giai-nhân, để trở lại làm tròn nhiệm-vụ đối với đất nước :

« Người no ấm, đất vun bồi,
« Gieo màm đạo-đức, nảy chồi tinh-hoa ».

. . . . . .

« Trời nam dư gió mát,
« Bát tát hóng phương xa ».

. . . . . .

« Muôn năm vui cảnh cũ,
« Trường-tại với sơn-hà ».

. . . . . .

Tôi vẫn nhớ lời tác-giả khi đem cho tôi xem bản thảo tập Từ-Thức : « Đây có lẽ cũng chỉ là một bằng-chứng nhỏ để tỏ rằng chúng ta chưa quên hết cỗi gốc »

Trong truyện thơ Từ-Thức, trên hai ngàn câu, dưới ngọn bút linh hoạt của thi-sĩ, đã thấy kết-tinh những vẻ đẹp nhẹ-nhàng tươi sáng của lối thơ lục-bát hay song-thất lục-bát. Độc-giả có cảm-giác phảng phất như khi ngâm những vần thơ cổ trong Kiều hay Chinh-Phụ.

Tác-giả còn khéo biết đem những sở-đắc trong văn-chương Âu Tây, dung hợp với cái tao-nhã của văn-hóa cổ-truyền, khiến tinh-thần ngàn xưa không những vẫn được duy-trì, lại còn tăng thêm vẻ mặn mà, mới lạ.

Dùng nhiều thể cổ kim, tác-giả đã chọn mỗi thể đúng vào tình vào cảnh trong truyện, một cách rất tự nhiên, không gò buộc, vần thơ vẫn được liên-tục và phong-phú, khiến độc-giả

chuyển từ lục-bát sang song-thất lục-bát, từ song-thất lục-bát sang cổ-phong hay đường-luật hoặc thơ mới, một cách nhẹ-nhàng, tâm-hồn như được cuốn theo nguồn cảm-hứng dồi-dào và uyển-chuyển của thi-sĩ.

Không những đã theo kỹ-thuật của các thi-gia Tây-phương, dùng nhiều thể thơ khác nhau để thoát khỏi lệ thường của những giai-phẩm cổ-điển viết theo một thể lục-bát hoặc song-thất lục-bát, tác-giả đã dụng tâm sưu-tầm, với óc tỷ-mỷ của một nhà khảo-cổ, tất cả các chi-tiết lịch-sử hay địa-lý trong truyện Từ-Thức để tạo nên một bầu không-khí và khung-cảnh thuần-túy Việt-Nam, linh-động như có thật.

Những chi-tiết khoa-học này, được đem hòa-hợp với cảnh vật thần-tiên, khiến độc-giả cũng như Từ-Thức không biết đang say hay tỉnh, với mộng hay cảnh thực :

« Sông Chu uốn khúc trong veo,
Sông Cao lơ-lửng bên đèo mờ sương ;
Trào dâng bãi cát lạch Trường,
Gió đưa Diêm-phố, buồm giương lạch Triều.
Leo cao đỉnh Lục, cánh Diều,
Hang Na, động Bích, cũng liều đưa chân ».

Về phương-diện tâm-lý, tác-giả không những đã tránh xây dựng một Từ-Thức siêu-phàm, hoàn-toàn thoát tục, còn khéo tạo cho Giáng-Hương, Hằng-Nga, Chức-Nữ, và hầu hết các nhân-vật trên tiên-giới, một tâm-hồn gần sát nhân-loại. Họ cũng bị thất-tình lung lạc và cũng buồn, cũng giận, cũng biết yêu ghét, ghen tuông . . . :

« Lên tiên lại thấy tiên còn tục . . .
Đáng giận hay anh chỉ đáng cười ? »

Mượn sự thực làm bàn đạp cho hồn thơ bay bổng phiêu du trong cảnh-vực muôn hình sắc của tâm-tình và tưởng-tượng, câu chuyện « Kẻ tìm đường » của ông Đoàn-Thêm không hẳn còn là truyện thần-thoại của thời xưa nữa.

Ngọn bút của thi-sĩ đã khéo diễn tả tất cả những nỗi đắn-đo thắc-mắc của các Từ-Thức mới và cũ, phân-vân đi tìm lẽ sống, để sống một cuộc đời hữu-ích và « trường-tại với sơn-hà ».

« Từ-Thức hay Kẻ tìm đường » đã dành cho Đoàn thi-sĩ một chỗ trên tao-đàn Việt-Nam và chúng ta còn đặt kỳ-vọng rất nhiều ở tác-giả

Saigon, ngày 20 tháng 4 năm 1959

VŨ-VĂN-MẪU

x x x

TOÁT-YẾU

x x x

PHẦN THỨ NHẤT

Từ - Thức ở cõi trần

A.— Từ-ông, Từ-bà khuyên răn con là Từ-Thức chăm chỉ học hành và cố gắng thi đậu làm quan.

— Thức chối từ và trình bày ý-niệm hoài-nghi và bi-quan về cuộc đời.

— Họ hàng làng mạc khuyên nhủ, cũng vô-hiệu.
Thức chỉ thân với sư Pháp-Tĩnh ; tới chùa đàm đạo với sư, và bài bác lối học cử-nghiệp.

— Pháp-Tĩnh cảnh giác và khuyên Thức ôn hòa. Thức mới bắt đầu xét lại đường lối xuất xử.

— Bạn Thức là Vương Thông, thi đậu, vinh - qui linh - đình. Từ-ông, Từ-bà rất buồn thấy con mình kém người.

— Từ-ông già yếu, buồn bực, lâm bịnh, qua đời. Thức rất thương xót, hối hận, và nguyện phen này lập công-danh để báo hiếu mẹ già.

(Trang 19-51)

B. — Thức thi đậu. Làm quan liêm chính, tận tâm với chức-vụ. Nhưng gặp quan tỉnh-đường tham-nhũng, đòi hối-lộ không được, mang lòng thù oán. Thức cũng chán nản, hay đi ngao-du.

— Nhân dịp hội hoa, Thức vi-hành tới vãng cảnh chùa Quang-Tự, thấy một bà lão và cô con gái đánh gãy hoa, bị tuần đinh bắt vạ : Thức cởi áo bào ra đền hộ và giải cứu được hai mẹ con.

— Có người bà con là Cụ Ấm làm mối cho Thức một cô con gái trong vùng ; Thức từ chối, vì thích rảnh thân, không muốn bị nhân-duyên ràng buộc.

— Tỉnh đường ra lịnh thâu tiền đồng, đổi lấy tiền giấy trong hạn ba ngày, có ý mượn dịp này để hạch tội cho hả giận. Thức hiểu ý, viện cớ thụ tang thân-mẫu, treo ấn từ quan, lui về cố-lý, với ý định vui thú điền-viên.

(Trang 51 - 75)

C. — Ngờ đâu, về tới quê nhà, thấy họ hàng làng mạc lạnh nhạt khinh rẻ, coi là người ương gàn và bất-tài nên mất chức. Thức buồn, bỏ nhà lên kinh-đô tìm đời sống yên vui hơn.

— Đông-đô là chốn ăn chơi ; chẳng bao lâu cạn tiền, Thức phải vào dạy học cho hai con Lê-Công, một vị đại-thần. Hai công-tử thi đậu, Lê-Công muốn trả ơn và gả con gái cho Thức, với điều - kiện : Thức phải quay về hoạn-lộ, Lê-Công sẽ tiến-cử. Thức cũng muốn sống yên, nhưng nghĩ lại, thì thấy không thể đổi tự-do của mình để lấy vợ, nên bỏ về núi.

— Thức yên trí rằng sống với người rừng xanh núi đỏ thì gần thiên-nhiên, sẽ được tiêu-diêu như ý. Nhưng ít lâu, thấy cảnh đời của người sơn-dã cũng đầy khổ-não, nên lại đi tìm đường sống khác : hái thuốc, tìm sâm, mưu việc trường-sinh.

(Trang 75 - 79)

x x x

PHẦN THỨ HAI

Từ-Thức ở cõi tiên

A. — Thức đi lang thang, ngao-du khắp vùng Thanh-Hóa, qua nhiều sông núi, không thấy kết-quả. Một hôm giong thuyền hóng mát ở cửa biển Thần-Phù, chẳng may gặp bão, mọi người tưởng Thức chết đuối.

— Thức tỉnh lại, thấy mình bị dạt vào bãi cát, trên một hoang-đảo. Có hai người con gái tới giúp, đưa về một nơi cung-điện nguy nga ; Thức gặp Tây-Vương-Mẫu.

— Vương-Mẫu cho biết Thức có tiền-duyên với tiên-nữ, bảo ở lại học tu trường-sinh, và hứa sẽ cho cưới vợ.

— Thức sống cảnh cực-lạc, dần dà được biết truyện tiên và Giáng-Hương : thì ra nàng chính là người con gái đánh gãy hoa và được Thức cứu khi trước. Thức cảm nàng vì nhan-sắc.

— Tây-Vương-Mẫu cho Giáng-Hương lấy Thức.

(trang 79 - 143)

B. — Hai vợ chồng yêu nhau lắm, nhưng Giáng-Hương phấp

phỏng lo không biết tình-duyên có được lâu dài không ? Thức cũng cầu hạnh-phúc được lâu bền.

— Giáng-Hương và Từ-Thức đi chơi, thăm viếng bạn hữu ở thượng-giới. Bùi-Hàng, Vân-Anh, Chức-Nữ, Ngưu-Lang, Thần-Nữ Vu-Giáp Vu-Sơn, v. v... và gặp Hằng - Nga. Nhân dịp này, Thức được biết rõ đời sống của tiên, và thấy những người trần thành tiên vẫn còn giữ thường-tình của người phàm-tục. Hằng-Nga đương sống cô-đơn gặp Thức, có ý quyến luyến, muốn kết bạn.

— Giáng-Hương bị Điền-Thôi-Sinh xúi xiềm, mách rằng Hằng-Nga có tình với Thức. Giáng-Hương bắt đầu ngờ vực.

Rồi lúc đêm thanh, khi Thức nhớ nhà ngắm cảnh, Hằng-Nga hiện đến dãi bày tâm-sự, bị Giáng-Hương bắt chợt và đánh ghen. Thức cố phân trần, nhưng Giáng-Hương chưa nguôi giận.

(trang 143 - 201)

C — Quần-Tiên tới chúc thọ Tây-Vương-Mẫu ở Dao-Trì. Trong tiệc có anh em Bát Tiên uống quá say.

Tiệc tan, Bát Tiên rủ nhau đi chơi trên sóng ; Long-Vương tưởng bị khiêu khích và ngờ Bát Tiên xâm lăng, nên xuất quân đánh. Bát Tiên nổi giận đốt phá, và lật đổ Thái-Sơn lấp Đông-Hải.

— Từ-Thức được mục kích chiến-tranh, thấy sự rèn luyện bảo-bối chỉ đưa tới sự tàn sát : nên càng hoài-nghi hơn đối với phép thuật và đời sống cõi tiên.

— Đương lúc buồn bực, lại vẫn bị Giáng-Hương ngỏ ý ngờ vực ngoại-tình, Thức nổi giận và sau đó, bỏ đi chơi, gặp Hồ-Công.

(Trang 201 - 231)

D.— Hồ-Công chở Thức chui vào bầu Hồ-Thiên, thấy cảnh vũ-trụ từ lúc khai thiên lập địa, và những sự biến chuyển của lịch-sử loài người. Thức nhận rõ đường tiến-hóa của nhân-loại, từ vật-chất tới tinh-thần, từ thú-tính tới văn-hiến, từ ác tới thiện, và tuy cực nhọc đau thương, cũng vẫn hướng về toàn-thiện toàn-mỹ. Thức kết luận rằng : cuộc nhân sinh có cứu-cánh như vậy, con người phải hòa mình vào đời sống của nhân-loại, để góp sức giúp người theo đường tiến-hóa, chớ không thể cầu an vị-kỷ và tọa hưởng khoái-lạc.

Nên Thức quyết định bỏ cõi tiên.

(Trang 231 - 273)

E. — Thức vẫn yêu Giáng-Hương, nhưng buộc lòng phải thú thật mọi nỗi. Giáng-Hương tuy rất đau khổ, đành để cho Thức ra về.

— Giáng-Hương viết cho Thức bức thư vĩnh-biệt để đọc sau này khi đã về trần.

(Trang 273 - 303)

x x x

PHẦN THỨ BA

Tứ-Thức về cõi trần

A.— Thức về nhà, cảnh vật đã biến đổi nhiều ; người thân chỉ còn có Cụ Am và sư Pháp-Tĩnh.

Cụ Ấm cho Thức biết việc đã xảy ra trong khi Thức vắng mặt : nhà Hồ bị diệt, quân Minh áp bức dân Việt, Lê-Lợi khởi nghĩa, thâu hồi độc - lập, và đương kiến thiết giang-sơn.

— Cụ Ấm và sư Pháp-Tĩnh khuyên Thức giúp xóm làng xây dựng lại cơ-nghiệp, và nâng cao mực sống.

(Trang 303 - 317)

B. — Thức cũng đồng ý và tổ chức lại đời sống, song vẫn thương nhớ Giáng-Hương và có lúc buồn bã quá, lại muốn bỏ đi tìm đường trở lại Bồng-Lai.

— May có sư Pháp-Tĩnh hiểu rõ nguồn cơn, can thiệp và cảnh giác lần nữa. Thức lại tỉnh ngộ, và qua lúc mềm yếu nhất thời vì đau khổ, lại nỗ lực góp phần kiến thiết quê hương, và giúp đỡ mọi người cùng tiến.

(Trang 317 - 361)

x x x

Số câu : 2129.

Phần Thứ Nhất

Giăng tròn : ở đây, tác-giả dùng tiếng *giăng* thay *trăng*, vì nếu nhắc lại hai vần *tr* đi liền nhau thì khó nghe. Khi nào không ngại như vậy, thì lại dùng *trăng* như « *ngắm trăng* ». Cũng vì lý do tương-tự, viết « *chờ giăng* » thay « *chờ trăng* ». Đối với các chữ « *trời* » và « *giời* » cũng vậy.

Đại thành :

« Tập quần thánh chi đại-thành » (Mạnh-Tử)
Gồm hết thảy đạo-lý của bậc thánh hiền thành một mối đạo lớn. Có tài đức làm nổi việc đó, như Khổng-Phu-Tử, mà người ta tôn xưng là Đại-thành chí thánh.

Cùng, thông :

« Cùng tắc biến, biến tắc thông » (Kinh Dịch)
Sự vật biến chuyển từ trạng-thái này qua trạng-thái khác, trái ngược nhau. Như cảnh-tượng hỗn-loạn đã đến tột độ, tất biến chuyển sang cảnh-tượng thái-hòa.— Theo nghĩa thông thường, Cùng là lúc khốn cùng cực khổ, Thông là khi hiển đạt sung sướng.

Chánh-vị :

« Cư thiên-hạ chi quảng cư, lập thiên-hạ chi chánh-vị, hành thiên-hạ chi đại đạo » (Mạnh-Tử) — Người Quân-tử tìm cho đúng chỗ mình trong thiên-hạ mà hành đạo.

Hóa sinh trong cõi hồng - tràn,
Muôn năm định - mệnh một lần mà thôi.
Biết sao cho thuận lẽ trời,
Tìm đường chưa chắc suốt đời đã xong.
Giăng tròn rạng cảnh hư - không,
Thông - minh càng thấy nỗi lòng hoài - nghi.
Cao xa mờ mịt thấy gì ?
Nhìn ngay trước mắt, có khi rành rành...
Hóa - công sinh bậc đại - thành,
Biết tròn nghĩa cả, biết đành phận chung ;
Thủ thường mới đạt cùng, thông,
Yên ngôi chánh - vị, thuận dòng nhân - sinh.
Trang dã - sử, khúc tâm - tình,
Nhìn đường trăm ngả, liệu mình về đâu ?

*

* *

Gióo giắt :

Theo V. N. Tự - Điển Khai-Trí trang 220 Chính-Tả Tự-Vị T - V - Khải, trang 77.

Réo rắt : Theo Tự-Điển Đào-Văn-Tập trang 517.

Quỳnh Dao :

Điện Quỳnh-Hư

Gác Dao-Quang ở Bồng-Lai.

Thần - Phù :

Phần bể đông, thuộc Ninh-Bình Thanh-Hóa. Về thế-kỷ 15, gọi là Thân Dầu, sau là Thần-Phù.

Tống - Sơn :

Một huyện ở Thanh-Hóa. Đời Trần, gọi là Tống-Giang, đời Nguyễn, mới đổi là Tống-Sơn.

Hóa - Châu :

Theo cụ Nguyễn-Dữ, là Thanh-Hóa. Nhưng theo sử, thì hình như Hóa-châu là miền bên trong Thuận-Hóa ; chưa thấy tài-liệu gì chắc chắn.

Bể đông chìm nổi nương dâu,
Thần - Phù sóng bạc, cánh âu chập chờn,
Yên hà phảng phất Tống - Sơn ;
Không - trung giéo giắt sáo đờn Quỳnh Dao...
Tùng thông hợp bóng non cao,
Hóa - Châu là lối ra - vào cõi tiên...

Sơn-thôn mấy mẫu lương - điền,
Mái gianh giậu trúc, người hiền dung thân.
Từ - Ông dòng dõi thanh - cần,
Khoa - trường lận đận mấy lần về không.
Cày sâu cuốc bẫm đành lòng,
Dạy con trả nợ tang - bồng mai sau...

Ngọc-vũ quỳnh-lâu :

Lầu điện trên cõi tiên,

Lý, Đỗ :

Lý-Thái-Bạch, Đỗ-Phủ, hai thi-bá đời nhà Đường.

Tôn, Ngô :

Tôn-Võ-Tử, danh tướng thời Xuân-Thu, Ngô - Khởi, danh - tướng thời Chiến-Quốc.

Cung, thương :

Hai cung trong ngũ-âm (cung, thương, giốc, chủy, vũ).

Một trai, Từ - Thức, con đầu,
Vẻ người ngọc - vũ quỳnh - lâu thuở nào ?
Mi thanh, mục tú, đình cao,
Tinh - anh khuê bích, thanh - tao trúc tùng.

Tài-hoa nức tiếng sơn - trung,
Nước mây vui thú một vùng Hóa - Châu ;
Thuyền lan, thơ túi, rượu bầu,
Cuộc cờ dưới nguyệt, trống chầu đêm xuân...

Bút tiên buông nhẹ nét thần,
Phím tơ khéo lựa mấy vần cung thương.
Cổ kim văn vũ ngàn chương,
Mỉm cười Lý, Đỗ, coi thường Tôn, Ngô.
Dòng thi - lễ, chí giang - hồ,
Lánh đường khoa - bảng, ghét trò cân - đai

Thượng-uyển :

Vườn trong cung Vua, Đậu đại-khoa được dạo vườn Thượng-uyển xem hoa.

Lục Bộ :

Sáu bộ Thượng-thư : Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công.

Tam Tòa :

Ba Tòa Thượng-thư, Trung-thư, Môn-hạ (nhà Đường). Nhà Trần, có ba chức Tam-thái, Tam-thiếu.

Cửa Khổng, sân Trình :

Khổng-Phu-Tử. Trình-Minh-Đạo, Trình-Y-Xuyên, hai anh em danh-nho thời Tống.

Tiếc con lãng phí thiên - tài,

Từ-Ông lo lắng, hôm mai dỗ dành.

Rằng :

— Cha học chẳng thành danh,

Mong con Thượng - uyển ngắt cành kim - hoa.

Quyền cao lục - bộ tam - tòa,

Một con phú-quí, một nhà hiển - vinh.

Bao năm cửa Khổng sân Trình,

Không thành sự - nghiệp, thông - minh cũng hoài.

Từ - Bà tha thiết ngắn dài :

— Tuổi trời bất quá còn vài ba năm,

Sớm khuya dệt cửi chăn tằm,

Nhờ con may đỡ dãi dầm nắng mưa.

Tài con bỗng lộc có thừa,

Bút nghiên không lẽ rau dưa suốt đời !

Di, Tề :

Bá-Di, Thúc-Tề không chịu thần phục và thụ lộc Vũ-Vương nhà Chu, lui vào núi Thủ-Dương ẩn dật, hái rau vi, sống qua ngày.

— Ơn dưỡng - dục, phận người hiếu - tử,
Mong báo đền thiên tứ vạn chung,
Ngặt vì thế - sự cát hung,
Phế hưng trị loạn vô - cùng nhiễu nhương.

Kẻ hiền - giả tìm phương ẩn dật,
Chẳng bận lòng đắc thất an nguy.
Di, Tề vui cảnh rau vi,
Ẩm thân, thảo - xá khác gì kim - lâu ?

Đường gió bụi, công hầu mỏi bước,
Lối bon chen, họa phước khôn lường.
Trầm thăng phận gửi quân - vương,
Bất - tài dễ nhục, phi - thường khó yên.

Trị Lỗ :

Khổng-Phu-Tử làm tướng ba tháng thì nước Lỗ thái-bình thịnh-trị. Nhưng chẳng bao lâu, Ngài không được dùng nữa, vì vua Lỗ mắc kế ly-gián của nước Tề. Nên Phu-Tử phải chu du các nước Vệ, Trần, Sở, Thái, Diệp, v. v... đi khắp thiên-hạ mà không hành đạo được, rút cuộc phải lui về dạy học.

Đạo cùng, Kỳ-lân :

Khổng-Phu-Tử khi ra đời, theo tục truyền thì có Kỳ-lân xuất hiện. Lúc tuổi già, lại thấy Kỳ-lân, biết là điềm dữ, ngài bưng mặt khóc : « Ngô đạo cùng hĩ » (đạo ta hết rồi). Được ít lâu, thì Ngài mất.

Hư-không :

Theo kinh Phật, thì mọi sự có cũng như không, hay rút cuộc thành ra không có (vạn cảnh giai không, vạn sự tổng thành không).

Tiếc công-đức thánh hiền vạn-cổ,
Bậc chí-thành trị Lỗ an dân :
Xuân-thu mờ mịt bụi trần,
Đạo cùng, thế loạn, kỳ-lân đau lòng !

Người chí lớn, tang bồng hồ thỉ,
Vướng lụy đời phú quý vinh quang,
Lầu son gác tía huy hoàng,
Trăm năm rồi cũng suối vàng buông trôi...

Chốn sơn-dã theo đòi nghiệp cũ,
Mượn nâu sồng ấp ủ thanh cao,
Nước non ngày tháng tiêu dao,
Hư-không rồi lại trở vào hư-không...

Tối trời ngóng đợi giăng trong,
Một vùng đất sỏi, càng mong chạch vàng.
Dân hèn ao ước quan sang,
Xóm làng trông cậy, họ hàng nhắn khuyên :

— Sá chi ruộng cả ao liền,
Chẳng thi mang tiếng bút nghiên thua người.
Công - danh góp mặt với đời,
Hiếu thân, đèn sách kịp thời đăng khoa.
Kinh - bang rạng tỏ tài - hoa,
Gia - hương nức tiếng, sơn - hà ghi ơn...

Từ - Sinh xa lánh rượu đờn,
Mong cha mẹ dứt nguồn cơn lo phiền.
Cuốc vườn, hái thuốc lâm - tuyền,
Cửa sông quăng vó, lái thuyền dặm khơi ;
Thung thăng đỉnh núi chân trời,
Chỗng lều nói đến, chỉ cười không thưa.
Thiệt hơn cao thấp cũng thừa,
Muốn an phận dưới, không vừa lòng trên.
Cửa thiền cất bước đòi phen,
Tìm sư Pháp - Tĩnh hàn huyên mấy lời...

Võ-đế :

Vua Quang-Võ nhà Đông-Hán tôn sùng đạo Nho, khuyến khích Nho-học, trọng dụng Danh-nho.

Tùy, Đường :

Nhà Tùy và nhà Đường đều trọng Nho-học. Nhà Tùy đặt ra phép thi-cử. Nhà Đường lập các trường Quốc-Tử, Thái-học và Tứ-môn : hai trường trên dành cho các vương-tôn công-tử ; Tứ-môn, tuy để cho con cháu nhà quan, song cũng cho con nhà giầu có nhập học.

Thánh-chi-thời :

Mạnh-Tử chia người tài đức ra bốn hạng : Bá-Di Thúc-Tề, gọi là Thánh-chi-thanh ; Liễu-Hạ-Huệ, là Thánh-chi-hòa ; Y-Doãn là Thánh-chi-nhiệm. Còn Khổng-Phu-Tử, đáng trọng hơn cả, vì biết hành động xuất xử tùy thời, nên gọi là Thánh-chi-thời.

Tràm - luân khổ - hải sóng đầy vơi,
Tìm lối siêu - sinh : Đạo tuyệt vời.
Nhập thế, noi theo đường Khổng, Mạnh,
Thoát trần, Phật, Lão mách đôi nơi.

Mịt mù khói lửa bốn phương trời,
Rạng nghĩa quân thần, lại sáng tươi;
Võ - Đế tôn Nho, truyền quốc - giáo,
Tùy, Đường suy tụng Thánh - chi - thời.

Cử-nghiệp = tiến thân bằng khoa-cử

Thái-học, Tứ-môn = xin coi trang trước (Tùy, Đường).

Rộn, Dộn =

Dộn dịp : theo Việt - ngữ chính - tả N. V. Tòng, P. T. Kiên, trang 66.
theo Tự-điển Khai-Trí. trang 156.

Rộn rịp : theo Chính-tả tự-vị T. V. Khải, trang 91.
theo Tự-điển Đào-văn-Tập, trang 519.

Tống-nho = các danh-nho nhà Tống suy tôn Khổng, Mạnh và chấn hưng Nho-học. Có tiếng nhất là Chu-Liêm-Khê, Trương-Hoành-Cừ, Trình - Hạo hay là Trình-Minh-Đạo, em là Trình-Y-Xuyên, Chu-Hi, v.v...

Thái-cực, Thông-Thư = Chu Liêm-Khê soạn các bộ Thái-cực-đồ-thuyết, nghiên cứu về vũ-trụ ; bộ Thông thư, nghiên cứu về nguồn gốc tính thiện và sự « thành » của con người, Về sau, Chu-Hi lại dẫn giải thêm trong các bộ Thái-cực-đồ-giải và Thông-thư-giải.

Tam-giáo = Nho-giáo, Phật-giáo, Lão-giáo. Nhà Trần và Lý cho học cả kinh sách thuộc ba Giáo.

Hứa-Hành = tự là Trọng - Bình. Danh-nho và chánh-trị-gia có tài, được Nguyên-Thế-Tổ trọng dụng. Lúc nhỏ khi mới đi học, thày khuyên cố học để thi đỗ làm quan, Hứa-Hành kêu rằng : học chỉ để được thế thôi à ?

Chõng lều cờ biển, chuyện trêu ngươi !
Cử - nghiệp hư - văn định giá người !
Thái - học nghênh ngang đồ giá áo,
Tứ - môn dộn dịp khách ăn chơi...

Tống - nho tham bác cũng hoài hơi,
Thái - cực, Thông - thư khó dạy đời ;
Tam - giáo ích chi nghề sĩ - hoạn ?
Hứa - Hành bảy tuổi đã chê cười !

Tam cố :

Lưu-Bị ba lần tới cầu Gia-Cát-Lượng ra giúp để thành đại-sự.

Ứng mộng hiền-thần :

Đường-Thái-Tôn nằm mộng thấy hiền-thần tới giúp, sau tìm ra Tiết-Nhân-Quí.

Sư già tuổi trạc sáu mươi,

Đạo cao đã thấu, việc đời từng qua,

Khuyên rằng :

— Quán - thế tài hoa,

Phò vua giúp nước, đăng khoa phen này.

Mai danh ẩn tích nơi đây,

Tấm thân nát với cỏ cây, cũng hoài.

Ngọa - long Gia - Cát nằm dài,

Gặp thời cũng phải thi tài kinh luân.

Mấy khi tam cố cầu thân,

Mấy khi ứng mộng hiền - thần như xưa ?

Xét mình tài đức có thừa,

Phong - vân một hội móc mưa thấm nhuần.

Hậu - sinh, sao trách tiên - quân,

Tùy, Đường chê dốt, Lý, Trần chê ngu ?

Tam-trường :

Lý-Nhân-Tôn mở khoa thi tam - trường lần thứ nhất (1075), có Lê - văn - Thịnh đỗ đầu. Nhà Trần cũng mở các khoa đó.

Mua quan bán tước :

Do chữ « mãi quan dục tước » (Tống-Thư)

Nghĩa, Kinh, chế, biểu :

Hồ - quý - Ly đặt chương - trình mới cho các khoa thi, từ 1397. Có các bài Kinh-nghĩa, thi, phú, chế, biểu, văn sách

Ngũ giới :

Năm điều răn của đạo Phật :
Không trộm cắp, không tà dâm,
Không sát sinh, không nói dối,
Không uống rượu.

Kỳ - Khu :

Khấp khểnh, khó đi.

Mấy độ, Trần theo Lý
Tam - trường mở khóa thu,
Dương danh nhiều xử-sĩ
Tài đức kịp Trình, Chu.

Trị quốc, càn anh - kiệt,
Tìm đâu bậc trượng - phu ?
Mua quan hay bán tước ?
Khoa - cử đỡ bôn xu.

Chỉ tiếc mê khôi giáp,
Từ chương cản lối tu,
Nghĩa, kinh, văn, chế, biểu,
Học lắm vẫn âm u.

Hoạn - lộ, tùy duyên - nghiệp,
Tinh - anh, sáng dắt mù,
Miễn đừng quên ngũ - giới,
Bước tục đỡ kỳ khu.

Vân-Cù :

Đường mây, cũng như thang mây, hoạn-lộ.
« Nấy sương vẹn bước vân-cù »

(Mai-đình mộng-ký)

Mê-đồ :

Hay mê-lộ, con đường lầm lạc. —
« Thực mê-đồ kỳ vị-viễn... » con đường lầm lạc đã lớ trải qua nhưng chưa đến nỗi đi xa lắm (Đào tiềm. — Qui Khứ lai từ).

Chuông chùa cảnh - giác như ru,
Mê - đồ rạng tỏ, vân - cù cao xanh...

Ngẫm câu khuyến dụ chân - thành,
Từ - Sinh một bóng năm canh u hoài.

Lời sư chưa chắc đã sai,
Việc trăm đời trước, biết ai nghĩ lầm ?
Tùy cung, tay lựa tiếng cầm,
Tùy người, tùy cảnh, tùy tâm được nào !
Ngoài vòng, khinh - suất tự - hào,
Cuộc cờ đổi ván, thấp cao mới tường.
Vì đâu cố - chấp, dị - thường ?
Lánh đời sao chẳng tìm đường am mây ?
Phải chăng tục lụy vương dây ?
Thử mình thách chúng phen này xem sao !
Tiến lui sẽ chọn lối nào ?
Vầng đông hẳng nắng, ánh đào qua song...

Tưng bừng đám rước bên sông,
Tiếng loa, tiếng trống, tiếng cồng vang vang.
Lọng xanh, biển đỏ, chữ vàng,
Trẻ già trai gái đầu làng xúm đông.
Cờ bay mở lối võng hồng,
Đón ông tiến - sĩ bảng rồng yết danh.

Vương - Thông, bạn học Từ - Sinh,
Công - khanh chí lớn, vân - trình bước mau.
Rỡ ràng áo gấm khoe màu,
Dân quê tấm tắc, lính hầu nghênh ngang.
Đua chen kẻ xách người mang
Rượu nồng dê béo, họ hàng khao quan.

Từ - Ông cáo bịnh trong màn,
Từ - Bà cúi mặt thở than phận hèn.
Lẽ nào quân - tử ghét ghen,
Từ - Sinh yên lặng trước đèn hắt hiu...

Cỏ cây rầu - rĩ bóng chiều,
Từ - Ông vóc hạc tiêu - điều hơn xưa,
Tủi mình như kẻ sống thừa,
Buồn con tuổi lớn không chừa tính ngang.
Lòng đau, miệng chán thuốc thang,
Sầu vương, tóc rụng, võ vàng dung - nhan.
Lặng thinh qua cõi nát - bàn,
Quạnh hiu gửi nắm xương tàn ruộng khô.
Từ - Sinh chống gậy trước mồ,

Khóc rằng :

— Phóng - đãng không lo nghiệp nhà !
Ngang tàng, nghịch tử cưỡng cha,
Ý riêng không toại, tuổi già không yên.
Dưỡng sinh chưa kịp báo đền,
Anh - linh chứng giám lời nguyền sắt son.
Lập thân, trọn đạo tôi con,
Còn tâm, còn huyết, vẫn còn hiếu trung...

* * *

Trời xuân mây biếc cửu - trùng,
Thấm nhuần mưa móc, trúc tùng tươi xanh...

Dời quê, thẳng tiến kinh - thành,
Ba ngàn sĩ - tử sắm sanh nhập trường.
Từ - Sinh lều chõng lên đường,
Lắc lư ống quyển, theo phường lợi - danh.
Tam - trường ngọn bút tung hoành,
Kinh, văn, thi, phú, đua tranh mấy kỳ.

Thản - nhiên nghe xướng nhất nhì,
Cũng hia, cũng mũ, cũng quì, cũng tâu,
Bệ rồng năm lạy khấu đầu,
The thâm đã đổi ra màu thụng lam.

Rác tai nghe luận tước hàm,
Trị bình ai nghĩ, tiếu đàm ai hay ?

Xuân, Huyên :

Xuân : chỉ về cha ; Huyên : chỉ về mẹ. Cây Xuân, theo tục truyền, sống mấy ngàn năm ; có nơi đọc sai là « thung » Huyên là cỏ quí, có tánh cách đặc-biệt làm cho bớt lo nghĩ, nên hay giồng ở gần nơi mẹ nằm.

Đất Hóa - Cháu cờ bay pháo nổ,

Rước Từ - Công bái tổ vinh qui.

Cỏ huyên rạng ánh tà - huy,

Nhớ xuân khuất bóng thấy gì ân - quang !

Tòng tâm :

Theo tâm mà hành động, không sợ sai lầm vì đã đến tuổi cực sáng suốt (Thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ — Khổng-Tử).

Trí-tri :

Biết cùng lý sự vật (Cách vật, trí-tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ : theo Khổng-Tử).

Lực-hành :

Cố gắng làm tròn bổn-phận, cũng đã gần đạo Nhân.

(Hiếu học cận hồ trí, lực hành cận hồ nhân, tri sỉ cận hồ dũng — Khổng-Tử)

Cầm hạc :

Đàn và chim hạc. Triệu-Thanh-Hiến đời Tống, làm quan trấn-thủ đất Thục, phó nhậm đi một mình, chỉ đem theo cái đàn và con hạc, sống đơn-giản và thanh-liêm.

Bỏ tầm tang, dời làng lên huyện,

Cảnh lâm - tuyền lưu luyến khách thơ,

Lên yên, lòng vẫn ngẩn ngơ,

Khóm lan bên suối biết nhờ ai trông ?

Cất vó hồng, tây đông giong ruổi,

Hết an - nhàn, đến buổi xông pha,

Tòng tâm, hãy đợi lúc già,

Nam - nhi trốn nợ quốc - gia cũng hèn !

Đội ơn trên, báo đền gang tấc,

Cao thấp gì thang bậc công - khanh ?

Trí - tri đến tuổi lực - hành,

Biết sao cầm hạc không thành cầu an ?

Lục-Lâm :

Giặc cướp. Đời Hậu-Hán, bọn giặc cướp hay ẩn nấp ở núi Lục-Lâm.

Thuấn, Nghiêu :

Vua Thuấn nhà Ngu
Vua Nghiêu nhà Đường
là hai ông vua có đức lớn và nhờ đức ấy, thiên-hạ được thái-bình vô-sự.

Dặm quan - san, bàn - hoàn tấc dạ,

Chốn sảnh - đường, thuộc - hạ xôn xao :

— Cấp trên giữ ý làm cao,

Phụng - thù lánh mặt, tơ - hào xua tay !

Ngọn cờ bay, đêm ngày chiêu dụ,

Vượt đông đoài, an phủ sơn - thôn :

Lục - lâm giữ phận tôi con,

Tụng - đình khép cánh, công - môn vắng người.

Một phương trời, thắm tươi hoa cỏ,

Tấm lòng nhân, trăm họ mến yêu.

Thanh - bình non nước Thuấn Nghiêu,

Mưa hòa, gió thuận, nông tiều ấm no...

Trấn-đường :

Cũng như tỉnh-đường. Đời nhà Trần, các địa-phương được chia ra thành huyện, châu, phủ, lộ. Hồ-quý-Ly đổi Lộ ra Trấn, đứng đầu Trấn là An-phủ-Sứ.

Tỉnh Thanh-Hóa, đời nhà Đinh gọi là đạo, Lê gọi là Trại ; đến Trần thành ra Thanh-đô-Trấn.

Trần - đường cổ rụt vai xo,
Ít lo việc nước, chăm lo chuyện tiền.
Môi thâm thấy bạc cười liền,
Gặp người cứng cỏi, nhắn khuyên đôi lần :

— Trước sau cũng vẫn tiền dân,
Dưới ăn thì mới có phần bề trên.
Tác thành tất phải báo đền,
Dẫu siêng - năng cũng khó nên cơ - đồ.
Bạc canh nhớ góp tiền hồ,
Cơn đen, sẽ liệu giúp cho một vài...
Nhược - bằng độc ỷ thế bài,
Lỡ khi bí nước, mong ai lượng tình ?

Từ - Công nghe nhắn lặng thinh,
Ruột gan đã muốn lôi - đình phong - ba,
Nể vì thể - diện quốc - gia,
Thẳng tay thì đã một ta với người !...

Đốc - bưu :

Chức tá - lại của Quận - thú, đặt ra từ đời nhà Hán, để giám - sát việc làm của các huyện-tề.

Thời Tam-Quốc, Đốc-bưu đi kinh lý, đòi hối-lộ, nạt Lưu - Bị khi đó làm huyện - lịnh, bị Trương-Phi trói và đánh trước huyện-đường.

Quế tiến :

Đất Thanh-Hóa có nhiều quế tốt. Thứ tốt nhất, đem tiến vua.

Giờ lâu ôm bụng tức cười :

Chẳng qua những - lạm muôn đời thói xưa,

Đốc - bưu roi vọt khó chừa,

Bạc tiền cũng chẳng sao vừa túi tham !

Trấn - đường thấy ngựa bất - kham,

Bày trò hạch sách cho cam oán hờn :

— Vì sao kiện chẳng xét đơn ?

Uốn ba tấc lưỡi, thiệt hơn giải hòa ?

Lẽ nào thiếu nợ còn tha ?

Bởi đâu quế tiền thành ra quế thường ?

Dông dài cuối bãi đầu nương,

Gió trăng lại lấy văn - chương nạt người ;

Sức rằng :

— Thân khéo liệu đời,

Kẻo mai sấm sét búa trời không tha !

Cửa Nga :

Sông Nga-giang chảy ra cửa biển Bạch-câu, gọi là Nga-cảng.

Sông Lễ :

Theo Nhất-Thống-chí, ở Thanh-Hóa có sông Lễ hoặc sông Lệ ; tức là tên cũ sông Mã (theo Nguyễn-văn-Huyên)

Lũng Vân :

Núi ở tây bắc tỉnh Thanh, gần chợ Bờ.

Công danh trả nghĩa mẹ già,
Khuất thân mặc sức gian tà vần xoay !
Cắn răng ngậm đắng nuốt cay,
Phận hèn dễ ức, lòng ngay khó sờn !
Còng vai nặng gánh giang - sơn,
Chẳng thà cặp sách túi đờn chơi rong.

Lại già, giao việc cũng xong,
Hồng - câu lững thững, tiều - đồng thung thăng.
Cửa Nga, Sông Lễ chờ giăng,
Lũng - Vân, theo cánh chim bằng đuạ mây.
Rượu đào dăm chén tỉnh say,
Đàn tranh giữ nhịp tháng ngày trôi qua,
Thần thơ bụi cỏ tìm hoa,
Thấy mây năm sắc ngỡ tòa tiên - cung...

Thị-Kính, Thị-Mầu :

Thị-Kính có đức hạnh giả trai đi tu, bị Thị-Mầu là gái lẳng lơ vu oan, (theo truyện Quan Âm Thị-Kính).

Ngày xuân, mai cúc tao - phùng,
Ánh xuân quang thái muôn trùng nước non.
Mẫu - đơn rực rỡ sơn - môn,
Điềm lành mới hiện, tiếng đồn xa bay.

Hội chùa Quang - Tự tuần nay,
Đêm đêm rước đuốc, ngày ngày xem hoa.
Sóng người dồn dập vào ra,
Sư - ông đụng trán, sư - bà vướng chân.
Cửa thiền sặc sụa hơi trần,
Thiện - nam, tín - nữ áo quần thướt tha.
Bao cô yếm thắm dải là,
Một cô Thị - Kính, thì ba Thị - Màu,
Xanh khói thuốc, đỏ vôi trầu,
Kẻ mong tài - lộc, người cầu hôn - nhân...

Từ - Công lững thững chơi xuân,

Tam - quan thấy khách xa gần xúm đông,

Tiếng loa xen lẫn tiếng cồng

Gọi tuần hô tráng đem gông tới liền !

Trám người la thét huyên thiên :

— Mẫu - đơn dập nát, phạt tiền trăm quan !

— Đang tay, cây gãy hoa tàn,

Mấy bông đại - đóa, bạc ngàn khó mua,

Mười hăm, may nở một mùa . . .

— Cả gan dám phá hội chùa . . .

— Tống lao !

Một trang thiếu - nữ má đào,

Một bà tóc bạc nghẹn ngào kêu van :

— Rộng lòng soi xét nỗi oan,

Kẻ xô, người đẩy, chậu tan, gãy cành . . .

Thân già gông trói cũng đành,

Trẻ thơ, xin miễn, đầu xanh tội gì !

Lễ chùa, tiền chẳng mang đi,

Bắt đền, cho chịu đến khi về làng . . .

Trương - tuần hống hách thét vang :

— Tội này ít cũng lạng vàng sẽ hay !

Từ - Công nghe hết dãi bày,

Chạnh lòng đã muốn quát ngay tha về ;

Vi - hành, ngại nỗi khen chê,

Nài van bô - lão, vỗ về tráng - đinh :

— Lỡ tay, thôi cũng lượng tình,

Từ - bi cửa Phật, gia hình sao đang ?

Thẳng tay, mang tiếng dân làng,

Áo bào, xin thế lạng vàng đền hoa.

Nghe lời can gián ôn - hòa,

Suy đi tính lại, trẻ già phân - vân,

Trông người phong - độ xuất - nhân :

Chẳng quan - liêu, cũng hương - thân, phú - hào !

Nhường voi chẳng xấu mặt nào,

Nể vì, đành nhận cẩm - bào rồi tha . . .

Bố Kinh :

do chữ « Kinh-thoa bố quần », Kinh-thoa là trâm bằng gai ; bố-quần là quần bằng vải.

Lương-Hồng đời Hậu-Hán có vợ là Mạnh-Quang dùng trâm gai quần vải, nhưng rất có đức-hạnh.

Tam bất hiếu :

Theo Mạnh-Tử, có ba điều bất hiếu : Không biết can gián, để cha mẹ làm điều bất nghĩa; — Không ra làm quan để lấy lộc phụng dưỡng cha mẹ, tuy nhà nghèo ; — Không có con để nối dõi tông-đường (vô tử kế hậu, tam bất hiếu dã, theo Triệu-thị chú giải).

Cẩm - đường, ngày tháng trôi qua,
Bỗng nghe có khách quê nhà mới sang :
Ngỡ ai, cụ Ấm bên làng,
Rượu đào bốn hũ, lụa vàng hai cây . . .

Điếu ngà vừa tản khói say,
Lim dim, cụ Ấm dãi bày trước sau

— Thôn trên, cụ Tú Hà - Châu
Tác thành đôi chút, nghĩa sâu còn nhiều.
Chỗ thân, nhắn nhủ mấy điều :
Phòng the một gái mỹ - miều dễ thương,
Ngọc - Đài chê kẻ tầm thường,
Kén người khoa - mục, tìm đường bố - kinh.
Tuổi vừa đôi tám xuân xanh,
Lượng trên soi xét thịnh - tình, nghĩ sao ?
Có Bà tuổi hạc khá cao,
Câu tam bất - hiếu lẽ nào sớm quên ?

Tứ rằng :

— Muôn một báo đền,
Ngọt bùi hôm sớm tạm yên tấc lòng.
Vội gì nối dõi truyền tông ?
Bình - sinh vẫn ngại chỉ hồng vướng chân.
Nợ công - danh, cố trả dần,
Nợ tình - duyên, hãy khất lần đòi phen.
Đã đành lạc lối bon chen,
Tấc lòng mây gió chưa quen buộc ràng.
Thê nhi nặng gánh đa mang,
Nhọc nhằn cầu thực, sẵn sàng khuất thân.
Một mình lạc đạo an bần,
Không mong phú - quí, chẳng cần bôn - xu.
Đắc thời, dốc trí khuông phù,
Lỗi thời, non nước ngao du qua ngày.
Phân trần đôi lẽ dở hay,
Nên chăng, sẽ liệu trình bày nhà huyên...

Dứt câu, tay lựa phím huyền,
Dặt dìu như gió đưa thuyền ra khơi...

Tiền đồng đổi giấy :

Hồ-Quí-Ly đặt ra tiền giấy, bắt dân đem tiền đồng ra đổi. Có lẽ vì cần nhiều đồng đúc.

Chánh-sách tiền giấy, được phổ-biến tại Âu-Châu từ thế-kỷ thứ 19, rất ích-lợi cho công-cuộc khuếch-trương kinh-tế. Song ở thời cổ, dân chỉ quen dùng tiền kim khí, hoặc vàng bạc, nên đối với tiền giấy không có tín-nhiệm. Khi phải đổi tiền đồng ra tiền giấy, tất-nhiên ngờ vực quan-lại tham nhũng.

Chiều thu xế, chân trời hạc lánh,

Cỏ huyên già, tiết lạnh úa mau.

Tấc lòng hiếu - tử quặn đau,

Gậy tang rước cữu, lệ sầu thấm khăn.

Vận áo xám khó ngăn ma quỉ,

Mộ vừa khô, lệnh - chỉ trao tay :

Trấn - đường định hạn ba ngày,

Tiền đồng đổi giấy, thu ngay nộp liền !

Nước tao - loạn, cường - quyền tác họa !

Tránh bạo - hành : cương - tỏa vướng chân.

Gớm ghê thay, lũ gian - thần,

Lòng dân đã mất, tiền dân vẫn đòi !

Thái-sơn, lông hồng :

« Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
« Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng-mao »
Trượng-phu thiên-lý chí mã-cách,
Thái-sơn nhất trịch khinh hồng-mao.
(Chinh-Phụ-Ngâm)

Song chính câu cuối cùng, là của Lý-Bạch trong bài Kết-Miệt-tử :
« Cảm quân-ân trọng, hứa quân-mệnh,
« Thái-sơn nhất trịch khinh hồng-mao » ?

Đào-Tiềm :

Cao-sĩ đời Tấn, hiệu Uyên-minh, làm huyện-lịnh Bành-trạch, phải nghinh tiếp quan thanh-tra, ông than rằng : ta không thể vì năm đấu gạo mà phải còng lưng mãi, Bèn treo ấn từ quan, lui về cố-lý, ngao du sơn thủy, uống rượu ngâm thơ.

Việc tiến - thủ, đến hồi ngang trái,

Cảnh cầm - đường, thư thái không mong,

Tội chi mắc nợ tang - bồng ?

Thái - sơn trút gánh, lòng hồng nhẹ thân.

Vuốt ngọn thỏ, hạ vần cáo tạ,

Viện tóc tang, xin trả ấn kiềm.

Lời văn cũng khéo tị hiềm,

Trấn - đường khẽ gật, Đào - Tiềm bước lui.

Kẻ dưới trướng bùi ngùi trước vó,

Người trên yên theo gió đưa mây,

Thong dong một tớ một thày,

Phen này lối cũ vui vầy cỏ hoa.

Đông-sàng :

Giường phía đông. Rể tốt. Đời Tấn, Vương-Hựu-Quân nằm phơi bụng trên giường ăn bánh một cách thản-nhiên khi có người họ Tạ tới kén rể, trong khi các anh em vội vàng sửa sang mũ áo nghiêm-chỉnh. Tạ-Công khen rằng : đó là rể tốt của ta.

Ba năm mới trở lại nhà,
Nhện vương đầu mái, liễu xòa mặt ao.
Bà còn vắng bóng ra vào,
Hắt hàm qua cửa, ừ ào trước sân.

— Vẫn chờ giáng phước ban ân,
Cáo quan, họ mạc hết phần trông mong.
Tài - hoa, áo gấm ngựa hồng,
Tầm - thường mới chịu nâu sồng như xưa.
Ngông nghênh thói cũ không chừa,
Đã theo hoạn - lộ, còn chưa phục tòng !
Bạch - đinh cam phận bần - nông,
Nam - nhi trả nợ tang - bồng . . . kiếp sau !
Phước lành, cụ Tú Hà - Châu
Rể hèn kén hụt, gieo cầu quan sang.
Vương - Thông gửi thiếp đông - sàng,
Ngọc - Đài cũng đáng vào hàng phu - nhân.

Cà-sa :

Áo của sư, may bằng vải mầu chắp miếng, mặc áo đó để tránh bụi trần.

Lạnh lùng thay, cảnh hương - lân !

Một sư Pháp - Tĩnh ân - cần hỏi hạn.

Lạc loài giữa chốn nhân - gian,

Chẳng thà trông hướng nát - bàn đưa chân.

Trót quen rượu thánh, thơ thần,

Cà - sa chưa chắc bụi trần giũ xong.

Cầu an, trở lại ruộng đồng,

Trong ngoài thân thích tuyệt không đoái hoài.

Âm thầm lẻ bóng thư - trai,

Nỉ non vẻ dế hôm mai gọi sầu . . .

Ngàn trùng, thân gửi vó câu,

Chân mây mặt nước, tới đâu cũng đành . .

Đông-Đô :

Tên thành Thăng-Long thời Trần Mạt. Còn Hồ-Quí-Ly lập Tây-Đô, gồm Cửu-Chân, Ái-Châu và Thanh-Đô-Trấn.

Chán cảnh hương - thôn, tới thị - thành,

Đông - Đô chen chúc hội quần - anh.

Tây - hồ lộng bóng làng phong - nguyệt,

An - Thái nồng hương bạn yến - oanh.

Ngây ngất lầu xanh ly rượu cúc,

Nhặt khoan gác tía khúc đàn tranh.

Vương - tôn công - tử đua hoan lạc,

Mặc sức Hồ - Ly giữa vuốt nanh . . .

Trình, Chu :

Trình-Hạo, Chu-Hi, hai danh-nho (Tống-nho).

Tôn, Tào :

Tôn-Xước hoặc Tôn-Ế, tự Công-Hưng, đời Tấn, Tào-Thực, con Tào-Tháo, hai người nổi tiếng làm thơ nhanh và hay.

Túi tiền đã sạch sành sanh,
Duyên may gặp bạn đồng - hành ngày thi.
Rằng
— Lê - Công, chỗ cố - tri
Kén thày giáp - bảng, đợi kỳ ân - khoa,
Mong con cờ biển nghiệp nhà,
Đường cùng, tạm trú cho qua tháng ngày !

Được lời, chưa biết dở hay,
Ngẫu - nhiên, thử nhận phen này xem sao.

Rượu ngon, chiếu sạch, giường cao,
Trình, Chu hủng hắng, Tôn, Tào ê a.

Lê - Công căn dặn thiết tha
— Quế lan vun xới cho hoa đầy cành,
Đất này truyền mạch tướng khanh,
Lịch - triều bao thủa khoa - danh bậc đầu.
Dạy sao nối nghiệp công hầu :
Sách đèn cũng đến sang giàu mà thôi...

Khuê, Bích :

Sao Khuê, sao Bích, hai văn-tinh.

Đậu, Hàn :

Đậu Vũ-Xứng, đời Tống, có năm con trai thi đậu làm quan to (Ngũ-quế). Họ Hàn, nhà Đường, là đại thế-gia, cha con anh em đều đậu đại-khoa và nổi tiếng văn hay : Hàn-Dũ, Hàn-Tương, Hàn-Triều-Tôn, v. v... gọi là Bát-đồng.

Ánh khuê bích rạng soi bể học,

Chỉ đường văn, nhả ngọc phun châu,

Sử kinh rèn luyện công hầu,

Tay tiên truyền bút, mười câu được mười.

Ơn mưa móc, hoa tươi đua nở,

Bảng vàng treo rực rỡ Lê - Gia

Đậu, Hàn vui cảnh đăng - khoa,

Hai con khôi - giáp, một nhà cân - đai.

Liên-thành :

15 thành liền nhau của nước Tấn, hứa đổi lấy hòn ngọc Biện-hòa của nước Triệu.

Thầy đồ kiết, mấy ai thăm hỏi,

Xếp bút nghiên, cuốn gói ra đi.

Hiểu người khí - phách cao kỳ,

Lê - Công chưa biết lấy gì tạ ân.

Còn một gái, Cẩm - Vân là chữ,

Giá liên - thành, ngọc - nữ treo cao,

Mến người cốt - cách phong - tao,

Muốn đem tài, sắc, kết giao đá vàng.

Chỉ ngại khách đông - sàng áo vải

Không xứng nhà ngũ - đại vinh phong.

Nếu ưng, lại tiến cửu - trùng,

Hai con một rể đứng cùng triều - ban.

Cung Thúy, gác Đằng :

Cung Thúy là nơi vua ở ;

Gác Đằng-Vương là nơi Vương-Bột đời Đường gặp gió đưa thuyền tới làm bài phú Đằng-Vương-Các, thành ra nổi tiếng.

Ý cũng thuận kẻ loan sánh phượng,

Sau đội lần chiêm ngưỡng dung - nhan.

Cô - đơn, như én lạc đàn,

Phụ tùy phu xướng mới an phận mình . . .

Chịu phiền lụy nhục, vinh, thăng, giáng ?

Nhan - sắc nào cho đáng hy - sinh ?

Thành - thân, trói buộc duyên - tình,

Độc - thân, giong ruổi lộ - trình thênh thang . . .

Đi tìm ánh huy - hoàng sông núi,

Vượt băng ngàn, lưng túi gió trăng,

Mặc ai cung Thúy gác Đằng,

Hương - thôn, thành - thị, đâu bằng sơn - lâm ?

Chính-tâm thành-ý :

Thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ — (Đại-học).

Thất-hiền :

Bảy hiền-triết đời nhà Tấn, ẩn dật ở rừng Trúc-Lâm : Kê-Khang, Nguyễn-Tịch, Sơn-Đào, Hương-Tú, Lưu-Linh, Nguyễn-Hàm, Vương-Nhung.

Ngọ-phạn :

Cơm một bữa của nhà sư.

Một cành . . . . thì thôi :

Chim tiêu-liêu ở rừng sâu chỉ cần có một cành để làm tổ ; con yến-thử uống nước sông, cũng đến đầy bụng thì thôi (Tiêu-liêu sào ư thâm-lâm bất quá nhất chi ; yến-thử ẩm hà bất quá mãn phúc. — Trang-Tử).

Giữa tạo - vật, chính tâm thành ý,

Người non xanh tính khí siêu - nhiên,

Cỏ hoa vui thú Thất - Hiền,

Bon chen không thiết, bạc tiền không lo.

Cõi đại - mộng, đói no không quản,

Sống qua ngày, ngọ - phạn cũng xong.

Một cành đủ tránh cuồng - phong,

Một hơi nước đủ mát lòng thì thôi . . .

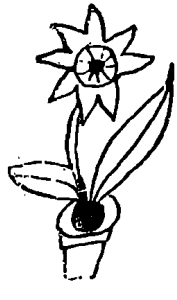

Ngọc Lam-điền :

Lam-điền là một núi ở Thiềm-Tây, có nhiều ngọc quí ; cũng gọi là Ngọc-sơn. Bùi-Hàng muốn lấy Vân-Anh, ở Lam-Kiều, phải đi tìm mua chày ngọc để giã thuốc tiên cho mẹ Vân-Anh rồi mới được kết duyên. (tích này sẽ kể rõ ở Phần thứ hai).

Canh năm, trống mới dứt hồi,

Trăng tà ngọn trúc chia đôi vành tròn.

Dặm trường vó ngựa câu bon,

Quay đầu ngó lại, dạ còn ngần ngơ.

Gần nhau, dáng điệu thờ ơ,

Xa nhau, hình bóng phất phơ bên lòng.

Lầu son kết sợi chỉ hồng ?

Bề ngoài hạnh - phúc, bề trong lụy - phiền.

Thoát cương - tỏa, sạch trần - duyên,

Chẳng lo kiếm ngọc Lam - Điền kính dâng . . .

Cảnh tình lữ - thứ bâng khuâng,

Núi mây mây núi, mấy tầng cao xanh . . .

Hà-Trung, Quảng-Hóa, Thạch-Thành :

Tên phủ, huyện ở Thanh-Hóa.

Lũng-Vân :

Dãy núi ở tây-bắc Thanh-Hóa.

Lương-Sơn :

Thuộc tổng Nhân-sơn, châu Thường-sơn, Thanh-Hóa; nơi nầy có nhiều dân Mường ở.

Thổ-ti :

Hương-chức Mường.

Xoè :

Điệu múa của người Mường.

Ruổi giong non nước xứ Thanh,
Hà - trung, Quảng - hóa, Thạch - thành, Lũng - vân.
Lương - sơn, chốn cũ, người thân,
Thổ - ti Trương - Thị, mấy lần qua chơi.

Cố - nhân niềm nở đón mời,
Ăn nhiều mới quí, uống vơi càng mừng.
Hươu nai khoản đãi tưng bừng,
Trẻ già quấn quít, xin đừng về kinh.
Cô - thân đã cảm thịnh - tình,
Sẵn lòng giao kết đệ huynh với người.

Nắng mưa, tay múa miệng cười,
Đầy vơi hũ rượu, nhạt tươi bóng xoè.
Cá nguồn, quăng lưới đêm hè,
Chim rừng, cung nỏ đi về hôm mai.

Khốn thay, ai biết lòng ai,
Nửa năm đã thấy ngày dài, dài ghê !...
Băn khoăn nên ở hay về ?
Tai nghe róc rách sơn - khê cũng buồn,
Những khi gió núi mưa nguồn,
Thần kêu quỉ khóc như tuôn mạch sầu...

Lên cao ngỡ đạt sở-cầu,
Sống lâu mới thấy bạc đầu chưa yên.

Tưởng người sơn - dã hồn - nhiên,
Ở gần mới rõ cơn phiền nỗi lo
Chắp tay vái lạy thày Mo,
Bóng ma bên xó, xác khô trong nhà
Trăm ngàn thuật quái chước tà,
Đêm ngày ám ảnh, gần xa hãi hùng
Tử, sinh, bịnh, hoạn, khốn - cùng
Kể ra thì vẫn kiếp chung con người !
Múa may, say tỉnh, nói cười,
Sâu ăn dưới lá, hoa tươi cũng tàn...

Trang - sinh :

Tức Trang-Chu hay Trang-Tử. Hiền-triết thời Chiến-quốc, theo thuyết Vô-vi của Lão-Tử, soạn bộ Nam-hoa-Kinh, tư-tưởng rất cao siêu Ông chán việc đời, thích tiêu dao qua ngày. Ông thường nhận thấy tánh-cách huyền-ảo của sự vật. Có lúc nằm chiêm bao thấy mình hóa ra bướm, khi tỉnh giấc, tự hỏi : Chu mơ thấy bướm hay bướm mộng thành ra Chu ?

Sao bằng thoát cõi nhân - gian,

Trường - sinh hái thuốc, trường - an kiếm thày.

Ích chi lần lữa chốn này,

Trèo non vượt biển, có ngày gặp tiên . . .

Hương - thôn, thành - thị, lâm - tuyền,

Sống đâu cũng chẳng phỉ nguyền Trang - Sinh.

Hoài mơ đuổi bóng theo hình,

Tìm người, tìm cảnh, biết mình nơi nao ?

Ngàn thông tiếng gió dạt dào,

Nghe như sóng réo, nước trào dặm khơi . . .

Phần Thứ Hai

Ngư-ông, động Đào :

Người đánh cá ở Vũ-lăng, thấy hoa đào trôi theo suối, đi ngược dòng, tìm thấy động Đào-nguyên, nơi người đời Tấn lánh nạn. Sau trở lại lần nữa, không thấy, nên coi là nơi tiên-cảnh đã biến mất.

Bốn phương một ngựa một người,

Chân mây hiu quạnh, chim trời về đâu ?

Dặm trường trông cậy vó câu,

Đường trần lẫng đẫng, biết cầu nơi nao ?

Ngư-ông tìm thấy động Đào,

Hỏi ai cho biết lối vào non tiên ? . . .

Ngọc-điền, Ngọc-Khê :

Xã thuộc tổng Ngọc-Khê, châu Ngọc-lạc, tỉnh Thanh-Hóa.

Phú-nghi, Xóm Mèo :

Núi giữa Hứa-Phan, Sông Mã, sông Lương, châu Hồi-Xuân, Thanh-Hóa Vùng này có một số người Mèo.

Cẩm-Nga :

Xã thuộc tổng Tuyên-Hóa, phủ Đồng-sơn, Thanh-Hóa.

Bỉm-Sơn, Phố Cát, Núi Cai

Miền núi, huyện Thạch-Thành, Cẩm-Thủy, Thanh-Hóa, gần Ninh-Bình.

Đồi thông chú mán đeo tiền
Giơ tay chỉ trỏ Ngọc - Điền, Ngọc - Khê,
Phú - nghi lưng mỏi gối tê,
Xóm Mèo tạm trú, quay về Cẩm - Nga,
Chùa quen thăm viếng sư già,
Nghe khuyên hái thuốc nên ra mạn ngoài
Bỉm - Sơn, Phố Cát, Núi Cai,
Đất linh không tới, cũng hoài công - phu.
Dãi dầu nắng hạ sương thu,
Nhọc nhằn chưa thấy đền bù tấc gang . . .

Rầu lòng, trở lại xóm làng,
Gởi nhà, cầm ruộng, chút vàng độ thân.
Tìm sư Pháp - Tĩnh phân trần,
Sư rằng
— Có số chẳng cần tìm xa,
Nhân - sâm ưa chốn hải hà,
Đầu sông, góc đảo, khí hòa mới sinh
Ngàn thu nước luyện mộc - tinh,
Tìm nơi sơn - thủy hữu - tình mới xong

Vi - lô :

cây lau, sậy.

Sông Âm :

chảy qua châu Ngọc - lạc, châu Lang-chánh, nhập sông Chu.

Sông Lương :

chảy qua châu Lang-chánh, châu Quan-hóa, ra sông Mã.

Sông Chu :

chảy qua châu Lang-chánh, phủ Thọ, xuân, phủ Đồng - sơn, phủ Quảng-Xương, phủ Thiệu-Hóa, nhập sông Mã-

Sông Cao :

chảy từ Lào, qua châu Thường - xuân nhập sông Đạt.

Lạch-Trường :

cửa sông Mã (Quảng - Xương)

Lạch-Triều :

cửa sông Mã (Hoằng-Hóa)

Diêm - Phố :

miền bãi biển, tổng Xuân - Trường. huyện Hậu-Lộc.

Đỉnh Lục :

thuộc dãy núi Thần-phù, huyện Tống-Sơn, có hang Lục-vận.

Cánh Diều :

núi ở gần tỉnh lỵ Ninh-Bình.

Hang-Na :

thuộc núi Na-Sơn, xã Cố-định, huyện Nông-Cống.

Động Bích :

hang Bích-Đào, xã Trị-nội, huyện Na-Sơn.

Nghe lời, theo hướng bể đông,
Bao nhiêu hang, động, ghềnh, sông cũng dò

Sông Âm hiu hắt vi-lô,
Sông Lương bến vắng, con đò lặng thinh,
Trên mây, dưới nước, giữa mình,
Hoàng-hôn gác mái, bình-minh nhẹ chèo.

Sông Chu uốn khúc trong veo,
Sông Cao lơ lửng bên đèo mờ sương.
Trào dâng bãi cát lạch Trường,
Gió đưa Diêm-Phố, buồm giương lạch Triều.

Leo cao đỉnh Lục, Cảnh Diều,
Hang Na, động Bích cũng liều đưa chân.
Non kia có phải non Thần,
Cho ai mượn đám mây Tần qua chơi.

Chiều hôm lặng biển yên trời,
Cột buồm đợi gió, xa vời chạm mây,
Vầng dương ngả bóng non tây,
Ráng vàng ánh đỏ nhuộm cây chân cồn.

Giong thuyền ngắm cảnh hoàng - hôn,
Xa bờ chẳng ngại sóng dồn lao đao . . .
Ngư - ông kêu gọi
— Trở vào !
Cửa sông hãy tạm cắm sào thừa lương !
Tiết trời oi ả khắc thường,
Ra khơi gặp bão, hết đường tiến lui.
Buộc thuyền, gác mái, buông mui,
Lo cơn gió dập sóng vùi bể đông !
Mây hùn như núi chập chồng,
Cù - lao xa, ửng ráng hồng, khó yên.
Tục truyền hoang - đảo có tiên,
Mỗi lần hiển - hiện, nổi liền phong - ba,

Nực cười câu chuyện sai ngoa,
Mái chèo rẽ nước, tiếng ca vang trời,
Càng xa, càng mát, càng bơi,
Chẳng tiên thì cũng thấy đời thênh thang . . .

Sau lưng vừa khuất bóng làng,
Trên đầu, đã thấy ráng vàng nhuộm đen.
Không trăng, thuyền lại quên đèn,
Chợt nghe gió thét như kèn réo quân !

Đảo tiên thấp thoáng như gần,
Mỗi khi tưởng đến, mỗi lần một xa . . .

Bốn phương trời biển xóa nhòa,
Sóng bung tay lái, chớp lòa chân mây !

Còn đâu nam bắc đông tây ?
Bể luân chắc hẳn tới đây là trầm.

Ngất trời cây nước đỏ sầm,
Ầm ầm lại vượt ngàn tầm cao - sơn !...

Long trời gầm thét oán hờn,
Cuồng - phong quật khởi một cơn ba - đào,
Giao - long uốn khúc dâng trào,
Thuyền tung gió lốc, người nhào hang sâu !

Giụi mắt nhìn ngơ ngác,
Quanh mình núi, nước, mây
Âm - cung hay Thủy - phủ ?
Ai khéo vớt lên đây ?

Sóng vỗ, tai còn váng,
Chân tay, cát bám đầy,
Quần manh, hai ống rách,
Bãi vắng, nắng thiêu cây . . .

Dón :

Chữ này, mỗi người viết một khác ; các tự-điển chưa định rõ.

Theo Tự-Điển Khai-Trí Tiến-đức :
gión gién (trang 221) Nhưng ở chữ Rén, trang 468, lại viết : dón rén.

Theo Chính-tả Việt-ngữ Phan-trọng-Kiên, Nguyễn-văn-Tòng : dón dén (trang 64)

Theo Chính-tả Tự-vị Trần-văn-Khải : rón rén (trang 87). Không có các chữ dón và gión !

Theo Tự-điển Đào-văn-Tập :
dón tức là nhón. Không có chữ rón rén (trang 452).

Chẳng biết mơ hay tỉnh,
Nhìn đông lại ngắm tây,
Miệng khô, thèm giọt mát,
Tê gối, chịu ngồi ngây.

Làng xóm đâu xa vắng ?
Chợt nghe dón gót giầy,
Sau lưng... cười khúc khích,
Gió thoảng phất hương gây.

Giật thót, toan vùng dạy
Bàn chân, vết máu giây,
Sóng dồn, va đá nhọn,
Đau quá, lả như say.

Hai tiểu-kiều da tuyết
Tà xanh lướt dáng gầy ;
Lưng ong căng lụa đỏ,
Mắt phượng, má hây hây . . .

Áo đỏ cười như rũ :
— Tiên-nương đợi mãi thày !
Áo xanh nghiêm nét mặt :
— Khách quí, chớ bài bây !

Lảo đảo, đi chưa vững,
Hai nàng vội đỡ tay,
Mỗi bên nâng một cánh :
Lỡ bước, tủi râu mày !

Dòng nước xanh xanh, uốn dịp cầu,
Bóng tùng chênh chếch ngả nương dâu,
Phất phơ mây khói, lầu cong mái,
Tuyết phủ Bồng-Lai, núi bạc đầu...

Quỳnh, Dao :
Điện Quỳnh-hư
Gác Dao-quang của Tây-Vương-Mẫu

Năm sắc mây lồng bóng nước xanh,
Đạm - hoàng, phơn phớt cánh chim oanh,
Tử lam, rực rỡ màu cung điện,
Bích lục, lơ thơ liễu rủ mành . . .

Mấy tiếng hòa - âm gợn sóng thanh,
Vi vu ti trúc gió đưa cành,
Vang lừng trước bệ chuông đưa khánh,
Gieo giắt cầm tiêu khúc lạc - hành . . .

Mấy chữ Quỳnh, Dao rạng nét thần,
Hoành - phi một bức chạm long vân,
Cột rồng mái phượng châu xen ngọc,
Bạch - lạp rung rinh ánh tỏa tràn.

Trướng gấm, ngai vàng, vẻ xuất - nhân,
Mặt hoa da tuyết, nụ cười thân,
Một bà tóc bạc xưng Vương - Mẫu,
Thể - nữ xiêm hồng lướt dáng xuân . . .

Chén trà bạch - bích thoảng liên - hương,
Khách lạ băn - khoăn, dựa góc tường,
Động - chúa tươi cười : — Xin chớ ngại,
Phước dày mới tới điện Tây - Vương !

Duyên lành kiếp trước hẹn tiên - nương,
Phẩm - cách siêu - phàm nghĩ đáng thương ;
Không lẽ hang sâu chôn bụng cá ?
Phép màu xui khiến thoát tai - ương ;

Linh - đan điều dưỡng đợi bình - thường,
Khá liệu bài tu vạn - thọ - chương.
Tiên - cảnh muốn quên đời tục - lụy ?
Ngày dài sẽ tính chuyện âm - dương . ...

Đường trần rẽ ngả, ngựa buông cương,
Thỏa ước bình - sinh, mộng bốn phương,
Vâng, dạ, theo chân nàng áo đỏ :
Thềm hoa tư - các bóng hơn gương ...

Động - phủ an thân đã mấy ngày,
Vết thương, linh - dược gắn liền ngay.
Tấc lòng trần - tục còn nghi - hoặc
Chẳng mộng thì sao diễm - phúc này ?

Đệm gấm màn thêu lả giấc say,
Rượu nho bình ngọc, túy - hương bay,
Nem công chả phượng nồng trân - vị,
Mấy trái đào tiên, ngắm cũng hay . . .

Vóc lụa, tay tiên khéo vá may,
Sớm chiều yến hội mấy lần thay,
Non tiên phú - quí sinh nhiều lễ,
Bỏ lúc trần - ai dạn mặt - mày !

Hạc múa, công chầu, bạch - trĩ quay,
Bóng hoa thấp thoáng, bức rèm lay . . .
Mới ho đã thấy ba nàng dạ !
Muốn được lòng Cô, phải mến Thày

Các điển-tích ở đoạn này, phỏng theo « Bát - Tiên đông - du », về Tây-Vương-Mẫu.

Bồng-lai, Phương-trượng, Doanh-châu :
Ba đảo tiên này hợp thành Tam-thần-sơn.

Côn-luân :
Một núi ở Tam-thần. Cũng là tên một danh-sơn trong Ngũ-Nhạc bên Tầu.

Đào-Nguyên :
Suối đào-hoa, nơi người đời Tấn lánh nạn, được coi như nơi tiên cảnh.

Quảng-Hàn :
Cung trăng, nơi Hằng-Nga ở.

Lăng-Uyển :
Vườn của bà Tây-Vương-Mẫu.

Dao Trì :
Vừa là tên ao ngọc, vừa là tên cung-điện của bà Tây-Vương-Mẫu.

Nhàn - đàm hỏi chuyện trời tây,
Có cô áo đỏ trình bày trước sau

Bồng - lai, Phương - trượng, Doanh - châu,
Ba vùng tiên - đảo, một bầu thiên - nhiên,
Ngàn trùng man mác vân yên,
Côn - luân ánh tuyết, Đào - nguyên ráng hồng.

Vạn - xuân bể lặng sông trong,
Lan - hương phảng phất, tùng - phong dặt dìu.
Nước non vẳng tiếng nhạc thiều,
Uy linh động - chúa, mỹ miều tiên - nương.

Quỳnh - Hư, chúc thọ vô - cương,
Quảng - Hàn, ca múa nghê - thường vũ - y,
Lầu Khuê Bích, điện Lưu Ly,
Xem hoa Láng - uyển, Dao - trì buông câu.

Họ Hầu, Y-Xuyên :

Phỏng theo sự - tích kể qua trong truyện « Bát - tiên đông du ».

Huệ, Quyên . . . Hồ :

Tây - Vương - Mẫu có 5 con gái nuôi Huệ - Lâm, Quyên - Lan, Thanh - Nga, Diệu - Cơ, Ngọc - Hồ.

Mỗi cô một mầu áo : có lẽ tượng trưng cho năm sắc mây ?

Thái cực :

Nguyên lý cùng tột của vũ - trụ, lúc chưa khai thiên lập địa.

Theo các truyện thần tiên, thì Tiên hay luyện phép bằng lò, hoặc dùng lò luyện thuốc. Thái - Thượng Lão - quân có lò Bát - quái.

Nữ - tiên, Vương - mẫu đứng đầu,
Cõi trần, kiếp trước họ Hầu hữu duyên,
Đầu thai tại đất Y - Xuyên,
Mãn tu hạ - giới, hoàng - thiên triệu hồi,
Bốn phương giao lại một ngôi,
Phép thiêng, dưỡng - nữ theo đòi năm cô :

Huệ, Quyên, Thanh, Diệu, Ngọc - hồ,
Trắng, vàng, xanh, tím, san - hô năm mầu,
Xiêm y rực rỡ áo chầu,
Châm lò Thái - cực bên lầu Thái - dương.

Giáng - Kiều, Giáng - Tuyết, Giáng - Hương,
Trăm hoa Lăng - uyển cũng nhường thắm tươi,
Cành vàng lá ngọc cao vời,
Ba nàng ngoại - thích, lánh đời tu tiên.

Phát - trinh

Tây - Vương - Mẫu có 4 vũ-nữ : An - Phát-Trinh, Vương - Tử - Phá, Đồng-Song-Thành, Hứa-Phi-Yến.

Đỉnh Giáp, non Thần

Non Thần là một núi có tiên ở.

Vu-giáp tiếp với Vu-sơn ; Sở Tương-Vương nằm mơ đi chơi, gặp mỹ-nhân, say mê và ăn nằm với người đó. Mỹ-nhân xưng là Thần-nữ Vu-sơn, sớm làm mây, chiều làm mưa.

Mảnh gương :

Nước Trần bị vua Tùy đánh phá. Lạc-Xương công chúa, vợ Trần-đức-Ngôn, phải bỏ chồng chạy. Lúc ly-biệt, đập gương làm hai mảnh, mỗi người giữ một, hẹn sau này tìm nhau sẽ chắp lại để dễ nhận ra nhau. Nhờ hai mảnh gương đó, về sau hai vợ chồng lại tái hợp được

Trong Kiều có câu :

Vành trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Còn em, vũ - nữ điện - tiền,

Hết ca đến múa, hết huyền lại sênh,

Phát - Trinh, Tử - Phá, Song - Thành,

Cùng em, Phi - Yến, trước mành dạ thưa.

Cõi tiên son phấn cũng thừa,

Vẫn mây đỉnh Giáp, không mưa non Thần,

Trừ phi duyên vướng nợ trần,

Gặp người hạ - giới, có lần nghi - gia...

Truyện kỳ, muốn hỏi lân la,

Bỗng trông thấp thoáng bên hoa có người,

Lại nghe vẳng tiếng nói cười

— Nụ xuân sắp nở, duyên trời liệu xe !

Mảnh gương chưa chắp giăng thề,

Kiếp xưa đã hẹn đề huề uyên ương ;

Tơ hồng tiếp nối yêu thương,

Thấy tên trong sổ đoạn - trường chớ lo...

Dứt lời, áo trắng bước vô,

Áo xanh nép bóng, thẹn thò trước hoa...

Lãng - uyển mơ xuân, liễu thướt tha,
Hài nhung lững thững gót tiên - nga,
Tóc mây theo gió rờn vai ngọc,
Nùng, đạm hương lan, lụa rủ tà . . .

Muôn sắc hoa tươi lộng ánh kiều,
Trà - mi tô đượm phấn đào yêu,
Mẫu - đơn rực rỡ mầu vương - giả,
Khóe hạnh long lanh nhuộm bóng thiều . . .

Lặng ngắm xa gần, khách ngẩn - ngơ,
Lòng trần bối rối, nhện buông tơ,
Cảnh, tình, hương, sắc, say hay tỉnh ?
Có lẽ phen này mới thấy . . . . . thơ ?

Thượng - giới, thường nghe đạo - đức cao,
Đường tu lối tục, chọn phương nào ?
Tiên - nương chớm nở bông hàm - tiếu :
Bể dục mênh mông, sóng dạt dào ! . . .

Ngắm hồi lâu, dáng điệu thấy hao hao
Giống thiếu - nữ phương nào, như đã gặp ?
Tìm Phi - Yến đôi câu hỏi gấp . . .

— *Sao quên ngày tấp nập xem hoa,*
Cởi áo bào, chuộc vạ xin tha
Tiểu - cô với lão - bà, nơi phật - tự ?
Để Giáng - Hương tương phùng quân - tử,
Xuống trần, Vương - Mẫu thử nhân - tâm . . .

Kể từ khi hạnh ngộ tri - âm,
Tiên - nương vẫn âm thầm mong nhớ,
Thấy bóng khách, xuân - dung hớn hở,
Nụ đào tươi hé mở đợi thương yêu,
Đoán chừng nay, lòng khách cũng xiêu xiêu...

— Xin giải thích mấy điều còn thắc mắc,
Kẻ phàm - phu vô - cùng nghi hoặc

Chốn tu - hành sao nhắc việc nhân - duyên ?
Chẳng lẽ nào sinh hóa liên miên,
Trèo dốc đạo, non tiên lòng vẫn tục ?
Kinh sách dạy tu là diệt dục,
Còn dám đâu tiếc lục tham hồng ?

— Có tiền - duyên tất có vợ chồng,
Cũng ràng buộc đèo bòng như hạ - giới.
Mấy cô - nương giờ đây mong đợi
Khách tình chung, trao gởi tấm thân ngà.
Muôn năm trường, tiên - nữ thành gia,
Xuân bất - tận, vui hoa, loan sánh phượng
Cảnh cực - lạc, đời đời tọa hưởng,
Chỉ khác trần, không vướng truyền - sinh.

Bùi - Hàng, Vân - Anh :

Sẽ kể rõ truyện Bùi-Hàng gặp Vân-Anh ở Lam-Kiều, phải kiếm được ngọc-chử đem dâng mới lấy được.

Lộng-Ngọc, Tiêu-Sử :

Lộng-Ngọc là con gái Tần-Mục-Công, biết thổi sênh ngọc, gặp Tiêu-Sử biết thổi tiêu, hai người lấy nhau. Hai vợ chồng hòa nhạc, có chim phượng-hoàng và rồng bay tới đón lên tiên.

Ba sinh, hương nguyền :

Theo Kinh Phật, ba sinh là kiếp trước, kiếp này và kiếp sau. Theo sách Quần-ngọc-chú. Tỉnh-lang chơi chùa, ngủ chiêm bao thấy đến non Bồng, gặp ông thầy ngồi niệm kinh, trước mặt thắp nén hương. Ông thầy bảo : hương này chính của anh thắp từ 3 kiếp nay rồi. Hương nguyền do chữ hương-hỏa. Thời xưa, hễ thề nguyền với nhau, thì thắp hương. Nhị-châu-Triệu sai Cao-Hoan đi cai trị Lục-trấn. Mộ dung Thiệu-Tôn can ngăn. Triệu nói : ta với Hoan đã nặng thề hương lửa (hương hỏa chi thệ) còn sợ chi ? (Bắc-sử).

Tấn-Vương trách Đột-lợi : đã thề nguyền cứu giúp nhau khi hoạn nạn, sao mày lại không có tình hương lửa (hương hỏa tình) (sách Đường-thư).

Bùi - Hàng xưa, đổi ngọc lấy Vân - Anh,
Uyên - ương vẫn tu hành chung một tổ ;
Tần - Lộng - Ngọc, thiên - tào có sổ,
Cùng Tiêu - Lang đi gió về mây . . .

Cô Giáng - Hương tiền kiếp nợ thày,
Vương - Mẫu đã chọn ngày hoàn trái,
Vườn Lãng - uyển vun trồng ân ái,
Nhẹ tay phàm, khéo hái đào tiên,

Ba sinh lại thắp hương nguyền,
Muốn bền chỉ thắm, thì quên bụi hồng ! . . .

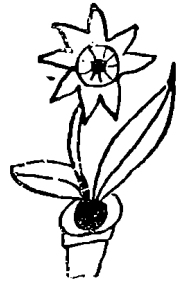

Chức-nữ :

Vợ Ngưu-Lang. Sẽ thuật truyện, Chức-nữ dệt cửi, Ngưu-Lang chăn trâu bên bờ sông Ngân-Hà.

Thôi-Sinh :

Tức là Điền-Thôi-Sinh, một tiên lãng-mạn hiếu sắc. Sẽ thuật rõ truyện.

Hồng-Phất, Lý-Tĩnh :

Hồng-Phất là ả hầu nhà quan tên là Dương-Tố. Lý-Tĩnh đến chơi Tố, gặp Hồng-phất cầm phất trần đứng hầu ; Phất cứ nhìn Tĩnh. Đêm sau, đến thăm và lấy Tĩnh. Lý-Tĩnh có bảo-bối là cây tháp.

Hằng-Nga :

Sẽ thuật rõ truyện. Hằng-Nga trước khi lên tiên, là vợ Hậu-Nghệ.

Hà-bôi :

Chén rượu làm bằng châu-sa và hùng-hoàng mầu đỏ rất đẹp

Hào - quang muôn đạo chiếu non Bồng,
Lấp lánh trời tây, rực bể đông.
Động - phủ trăm hoa đua sắc thắm,
Đêm xuân thần - nữ hội tiên - đồng.

Vân - Anh trâm ngọc giắt khăn hồng,
Chức - Nữ thoi vàng buộc áo bông,
Tiêu - Sử dây lưng cài sáo trúc,
Ngưu - Lang trâu trắng lội qua sông,

Phượng - hoàng Lộng - Ngọc tuyết pha lông,
Ngây ngất Thôi - Sinh mỏi mắt trông
Hồng - Phất rụt rè sau Lý - Tĩnh,
Hằng - Nga lẻ bóng gái xa chồng.

Lưu, Nguyễn :

Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu đời Hán, đi hái thuốc, lạc vào Thiên-thai, kết duyên với hai chị em tiên Ngọc-Trân. Nửa năm sau nhớ nhà, xin về. Về nhà thì nghe nói đã qua bảy đời rồi. Muốn trở lại tiên thì không thấy đường nữa.

Tống-Ngọc :

Người nước Sở, có tiếng là đẹp trai.

Dốc, chủy . . . :

Cung, thương, dốc, chủy, vũ là năm cung đàn (ngũ-âm).

Chữ Dốc, theo Đào-Duy-Anh (trang 40, Hán-Việt-Từ-Điển, quyển hạ).

Theo Việt-Nam Tự-Điển Khai-Trí Tiến-Đức : viết là giốc (tr. 396).

Tập Tầm Vông :

Tiếng hát nhịp của con trẻ, khi chơi trò đố nhau xem trong tay cầm gì ? Cũng có khi vừa cùng nhau đi đúng dịp, vừa hát những câu có câu đệm là tập tầm vông.

Quần - tiên thích cánh chật sân rồng,
Thiều - nhạc tưng bừng vẳng cõi không.
Cán chén hà - bôi, Vương - Mẫu phán :
— Ra chào tiên - nữ, tiếp tiên - ông !

Giáng - Hương bẽn lẽn cúi lưng ong,
Từ - Thức say sưa chén rượu nồng.
Trăm mắt đổ dồn Lưu Nguyễn mới,
Xôn xao, trông mặt bắt hình dong

— Nghe đồn kinh - sử khá tinh - thông !
— Tục - tử phàm - phu, khó biết lòng !
— Coi bộ tân - lang thua Tống - Ngọc !
— Ma chê cưới trách, chớ bàn dông !

Trầm hương sực nức, ngát xuân - phong,
Hoa - chúc giao quang rực động - phòng.
Dốc, chủy, cung, thương, đàn họa sáo,
Dao - trì vũ - nữ . . . tập tầm vông . . .

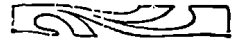

Rượu hợp - cẩn, men nồng duyên bén,
Chữ xướng tùy, hứa hẹn tương thân.
Chập chờn cánh bướm hoa xuân,
Hồn thơ khô mộng, đến tuần mơ trăng.

Vườn Lãng - uyển, bóng Hằng lấp ló,
Sóng gợn hồ sen ngó buông hương,
Đào tơ hé nhị chờ sương,
Đêm thanh chẳng thấy canh trường như xưa.

Dòng Thúy - thủy, thuyền đưa, liễu rủ,
Đôi bạch - nga ấp ủ chập chùng
Duyên ưa, cá nước vẫy vùng,
Trần - gian quả dục, tiên - cung đa tình !

Đời tiên - nữ, băng thanh ngọc khiết,
Lạnh lùng hơn đỉnh tuyết non Bồng.
Khí xuân vừa nở nụ hồng,
Lửa hương đã cháy rực lòng thơ ngây.

Bên trướng gấm, đêm ngày lưu luyến,
Chữ yêu đương ước nguyện trăm lần,
Sánh vai nào đã thấy gần ?
Xa chàng một bước, ngại ngần gót sen !

Yêu tha thiết, đòi phen tự vấn
Giữ sao bền vô - tận lương - duyên ?
Đã hay kiếp trước thề nguyền,
Tương - lai biết ý hoàng - thiên thế nào ?

Hỏi Vương - Mẫu, dịch - hào đoán mịnh,
Theo phán truyền tiền - định khả vi,
Khéo tu tất có phù trì,
Vụng tu thì chẳng phước chi vẹn tuyền !

Vô cầu :

Không còn mong ước chí hết.

Trong « Tùy-viên Thi Tập » (đời Thanh) có câu ;

« Sự đáo vô-cầu, thị trượng-phu ».

Khách trần - thế, mơ tiên hóa thực,
Tưởng phen này vô - cực liên hoan,
Yêu hoa, hoa nở không tàn,
Ưa nhàn, muôn thủa trường - an vô-cầu.

Vẫn có lúc canh thâu trằn trọc,
Tuy vai kề thân ngọc lả say,
Diễm - tình, tận hưởng phước này,
Muôn năm đằng đẵng, sợ ngày nhạt yêu ! . . .

Cảnh vương giả, lịch - triều khó sánh,
Không lụy phiền tranh cạnh tiến lui,
Non tiên khoái - lạc đủ mùi,
Cõi trần chẳng biết nay vui hay buồn ?

Sao lo ngại cạn nguồn sinh - thủ ?
Phép huyền - công, vũ - trụ nhật tân.
Nguyện cầu giữ vẹn ái ân,
Càn khôn biến dịch, tâm thần thủy chung . . .

Trăng mật :

Theo chữ lune de miel. Nhưng cũng đã thành chữ Tầu :

Mật-nguyệt

và Mật-nguyệt lữ-hành (Đào - duy - Anh — Hán-Việt Từ - Điển trang 551).

Vườn xuân, bướm hút nhị hồng,
Gió xuân phơ phất, tơ đồng nhặt khoan.
Tuần trăng mật, phượng hòa loan,
Hạnh đào sắc thắm, cúc lan hương nồng.
Đề - huề cánh hạc lưng công,
Gần xa viếng khách, tây đông xem trời . . .

Lam - Kiều :

Cầu Lam, Bùi - Hàng gặp Vân - Anh ở Lam - Kiều. Thấy nhan - sắc tuyệt vời, Hàng muốn hỏi cưới. Bà mẹ Vân - Anh buộc phải dẫn cưới bằng cái chày ngọc để giã thuốc cho bà. Bùi - Hàng phải bán hết cơ - nghiệp, đi lang thang tìm kiếm, hò rao khắp phố phường gần xa. Sau kiếm được chày đưa về nộp, lại phải giã thuốc hộ. Mãi sau mới lấy được Vân - Anh. Bà mẹ Vân - Anh cho Hàng uống thuốc tiên. Bà này vốn là tiên ở động Ngọc - Long, hay Ngọc - Phòng.

Lam - Kiều cất bước qua chơi,
Vân - Anh kiêu - hãnh, nói cười mỉa - mai :
— Chị em Quỳnh - các, Dao - đài,
Trần - gian mà được đoái hoài là may !

Bùi - Hàng tán luyện đêm ngày,
Thuốc tiên, cối giã, dịp chày thấp cao.
Độc - thân, vui thú tiêu dao,
Thành gia, chưa được lúc nào thảnh thơi.

Vân - Anh từ thủa lánh đời,
Phép tu khổ - hạnh cần người góp công,
Gặp chàng du ngoạn non sông,
Mối duyên muốn chắp, nỗi lòng còn nghi.

Phải chăng vạn - cổ tình si ?
Chứng minh chẳng ngại hành - vi khác thường.
Thực tâm tìm cảnh thọ trường ?
Chồn chân mỏi gối dốc đường cũng cam.

Phụ xướng phu tùy :

Theo đạo thường, thì phụ tùy phu xướng (vợ theo chồng xướng). Ở đây thì ngược lại, phụ xướng phu tùy (vợ xướng chồng theo).

Lam - điền :

Là tên huyện, ở Thiềm-Tây, ở đó có sông Lam, và cầu Lam-Kiều.

Thuyền tình trót ghé cầu Lam,
Tẩm thân lãng - tử hằng kham phong - trần.
Phố - phường, thôn - dã, giang - tân,
Hỏi mua chày ngọc, xa gần lang thang . . .
Gian - lao thử thách đá vàng,
Dâng đồ nạp - thái, được nàng trao duyên.

Động - trung, tiên - chúa chấp quyền,
Tu - mi nép bóng, thuyền - quyên hợm mình.
Lao đao, mới chịu thương tình,
Nhọc nhằn cầu, phép trường - sinh mới truyền.

Bất bình thấy cảnh Lam - điền,
Yêu nhau, khinh, trọng, phàm, tiên kể gì ?
Cõi trần, thân kính tương tri,
Trời tây, phụ xướng phu tùy đã quen !

Chức-nữ :

Là con gái Ngọc-Hoàng. Biết dệt cửi khéo, được lấy Ngưu-Lang. Vợ chồng yêu nhau tha thiết quá, bỏ cả công việc làm ăn. Ngọc-Hoàng giận lắm, bắt mỗi người ở riêng một nơi, hai bên bờ sông Ngân-Hà, Chức-nữ phải dệt, Ngưu-Lang phải đi chăn trâu, mỗi năm chỉ được phép gặp nhau một lần, ngày 7 tháng 7. Gặp nhau rồi lại phải lìa nhau, khóc lóc quá nhiều thành mưa ngâu.

Khi đến ngày gặp nhau, có đàn quạ đen nối đuôi làm cầu cho Ngưu-Lang qua sông : đó là cầu Ô-thước.

Trương-Tố có câu thơ rằng :

« Biệt đa hội thiểu nại nhược hà ?
Khước ức tùng tiền hoan ái đa »

(Xa nhau nhiều, gặp nhau ít, biết làm sao ?
Càng nhớ trước đã yêu nhau nhiều.)

Sông Ngân mờ tỏ ánh đèn,
Dệt sầu, Chức - Nữ cúi bên khung vàng.
Tơ lòng trăm mối ngổn ngang,
Thoi đưa mờ mắt, bóng chàng tìm đâu ?
Thương ai phận buộc thấn trâu,
Nhớ ai, mong sớm bắc cầu quạ đen !
Gượng cười, tiếp vợ chồng quen,
Miệng mừng duyên mới, mắt hoen lệ sầu.

Trời tình rả rích mưa ngâu,
Yêu nhau muôn kiếp, gặp nhau mấy lần ?

Vu, Giáp :

Non Vu, lũng Giáp. Sở-Tương-Vương nằm mơ thấy mình đi chơi, tới đầm Vân-Mộng, non Vu lũng Giáp, gặp Mỹ-nhân và say mê người đó. Mỹ-nhân xưng là Thần-nữ, sớm làm mây, chiều làm mưa.

Dương đài :

Nơi Sở-Vương vui thú cùng Thần-nữ.

Thói Tần, Sở :

Thói giăng hoa.

« Mặc người mưa Sở mây Tần,
« Nhưng mình nào biết có xuân là gì »
(Kiều)

« Lời đâu quyến-luyến thanh-tân,
« Rủ rê gió Sở mây Tần bởi ai »
(Hoa-Tiên)

Sá chi :

Mỗi nơi viết một khác.

Việt-ngữ chính tả P.T. Kiên — N.V. Tòng : Xá chi (tr. 75).

V.N. Tự-điển Khai-Trí Tiến-đức : Xá chi (tr. 646).

Theo chính tả Tự-vị T.v. Khải, thì nhiều người viết Sá chi (tr. 116).

Vượt ngàn trùng, hạc quá Côn - Luân,
Đường mây gió đưa gần Vu, Giáp.

Thấp thoáng vân - yên mờ bạch - lạp,
Bóng Dương - Đài ngọc - tháp nhấp nhô,
Lầu Sở - Vương phấn điểm son tô,
Rung rinh ánh nước hồ Vân - Mộng . . .

Muốn hạ cánh dừng chân xem động,
Giáng - Hương rằng :
— Tuy sống giữa non tiên,
Chúa Vu - Sơn, danh bất hư truyền,
Thả tình - dục cuồng điên dơ thượng - giới ;
Cười cợt khách mơ xuân lui tới,
Sớm thu mây, chiều đợi tuôn mưa.
Sá chi tuồng phấn thải hương thừa,
Thói Tần, Sở không chừa giăng với gió,
Chớ lạc bước hoa tường liễu ngõ
Để đào tơ sen ngó tủi thơ ngây ! . . .

Cười rằng :

— Nghe chuyện phương Tây,
Trước nghi xuyên tạc, giờ đây mới tường.
Đời tiên hoan lạc trăm đường,
Cõi trần có lẽ cương - thường mạnh hơn.

Hằng-Nga :

vợ Hậu-Nghệ, đời vua Hoàng-Đế. Chồng luyện thuốc trường-sinh, Hằng-Nga lấy trộm uống, thành ra bất-tử, bay lên cung Thiềm ở một mình. Cung Thiềm, có con cóc, con thỏ, cây quế. Con thỏ này, xưa kia nhảy vào lửa tự thiêu để làm chả cho đồng-loại đương bị nạn đói, Phật thương, cứu sống và cho lên ở cung trăng ; thỏ biết đi hái thuốc ở núi Côn-Luân.

Mây vén màn bông trắng,
Cung Thiềm dịu bóng thanh,
Cửa trời theo gió mở,
Loan múa, hạc bay quanh.

Thỏ ngọc phơi lông tuyết,
Lăng quăng gậm cỏ xanh,
Sương chiều êm cõi mộng,
Hoa quế ngát muôn cành.

Giáng - Hương rằng
— Mặt dẫu lành,
Hằng - Nga mang tiếng yến oanh muôn đời.
Khuyết tròn, dung - mạo xinh tươi,
Nổi danh sắc nước hương trời ai hơn.
Bề ngoài, mây gió chập chờn,
Mấy ai thấu nỗi cô - đơn khuê - phòng ! ...

Cõi trần đã kết dải đồng,
Ngày xanh tủi phận má hồng lỡ duyên.

Sớm chiều Hậu-Nghệ liên miên
Cao-sơn hái thuốc, thanh-tuyền kiếm sâm,
Râu mày, e chóng hoa râm,
Để nàng trần trọc âm thầm trướng loan,
Trường-sinh, chế luyện linh-đan,

Chị Hằng giải hận, ba hoàn uống ba.
Mặc chồng bạc tóc mồi da,
Đường mây rạng tỏ, gương nga tuyệt vời.

Non tiên mặt ngọc sáng ngời,
Mơ duyên lấp ló đợi người canh thâu,
Thiềm-cung hiu hắt gió sầu,
Ngàn thu lẻ bóng một bầu trời cao.

Phàm-trần luyến vẻ phong-tao,
Nhạc-công ngây ngất, thi-hào đắm say,
Chẳng qua nhớ hão thương vay,
Mấy đêm mê mải, bao ngày lãng quên...

Quảng-Hàn văng vẳng sáo tiên,
Hằng-Nga đón khách, cung-tiền vén mây,
Cợt đùa

— Loan phượng non Tây
Chắc xao lãng bạn, vì ngây ngất tình !
Riêng em một bóng một hình,
Gượng vui tạm mượn chén quỳnh đầy vơi...

Ngả nghiêng, lơi lả, nói cười,
Mắt đưa Từ-Thức, miệng mời Giáng-Hương...

Phù - du :

con vờ, sâu nhỏ, sinh ở mặt nước, có cánh bay được, nhưng chỉ chốc lát thì chết.

Huyền - Khưu :

đạo - sĩ tu trường - sinh ; ở thời nhà Thương, hay gặp : sống đã mấy muôn năm, mà nước da hồng hào như da hài nhi.

Bành - Tổ :

cũng luyện phép trường - sinh, học - trò đạo - sĩ Trương - nhược - Xuân. Thời vua Nghiêu, làm quan ở Bành - Thành.

Doanh Bồng, thoát cuộc tang - thương,
Dứt dây tục - lụy, quyết đường chân - tu.
Cõi trần, ngán cảnh phù - du,
Thành - tâm ngưỡng đạo, cần - cù học kinh.
Vợ hiền truyền thụ phép linh,
Đào tiên chế thuốc trường - sinh một bài :

Huyễn - Khưu tóc bạc râu dài,
Mới ăn ba trái, sống ngoài vạn xuân ;
Cáo quan, Bành - Tổ theo chân,
Quả tiên một góc, thọ gần tám trăm.

Trần - gian đằng đẵng một năm,
Bồng - Lai thấm thoắt bằng dăm đêm ngày.

Ngũ-nhạc :

Năm trái núi cao nhất nước Tầu :

Hành-sơn (nam nhạc)

Họa-sơn (tây nhạc)

Trung-sơn (trung nhạc)

Thái-sơn (đông nhạc)

Hằng-sơn (bắc nhạc).

Thần - thông đuổi gió cưỡi mây,
Chân đi mặt nước, cánh bay lưng trời ;
Rạp đầu, muông thú tuân lời ;
Gần xa, tai mắt tăm hơi tỏ tường.

Có khi hòa hợp âm dương,
Hào - quang muôn đạo sáng đường càn - khôn,
Mạnh, ngăn thác bạc sóng cồn,
Nhanh, trong khoảnh khắc truyền ngôn vạn trùng.

Có khi biến cát thành hung,
Ngũ - hành loạn đảo, hãi hùng trần - gian,
Hồ - lô, độc - xạ lan tràn,
San bằng ngũ - nhạc, thiêu tàn ngũ - châu !

Hóa - công, đoạt phép nhiệm - mầu,
Vào thần ra quỉ, họa sâu khôn lường.

Đời tiên trí xảo lực cường,
Lòng phàm lại thấy vấn vương tơ sầu :

— Lối tu e khác sở - cầu,
Cõi tu sao chẳng thấy giàu tình thương ?

Điền-Thôi-Sinh :

học phép tiên, biết tàng hình, nhưng tính trăng hoa, hay lén vào cung cấm trêu ghẹo cung-nữ, có lần bị đạo-sĩ của nhà vua bắt hụt.

Máu mê lãng - mạn khác thường,

Điền - Thôi - Sinh, vốn theo phường nguyệt - hoa.

Non tiên chán chị Hằng - Nga,

Tàng - hình lén lút vào ra cung Tần,

Canh khuya tìm kiếm mỹ - nhân,

Lưới thần đạo - sĩ quàng chân ngã nhào.

Ngự - lâm thắt chặt hàng rào,

Bên sông hết lối, ba đào mênh - mông.

Số may chợt gặp tiên - ông

Tung khăn hóa chiếc cầu vồng cho qua ...

Trước sau vẫn chuyện dâm tà,
Dao - trì lui tới lân la mận đào.
Nhọc lòng chưa thỏa ước ao,
Bao phen lơi lả đón chào Giáng - Hương ;
Lượng trên đâu chấp thói thường,
Quen thân mất nết, cùng đường chưa thôi,
Mặc dầu hoa có chủ rồi,
Vẫn ngây - ngất nhớ, vẫn hồi - hộp mong.

Bợm già biết lối bướm ong
Không xiêu được gái yêu chồng thiết - tha ;
Đòi phen lên giọng thật thà,
Khuyên can chớ để Hằng - Nga tới gần...

Rằng :

— Tuy bạn cũ tình thân,

Xem chừng dáng điệu lần khân thế nào !

Từ - quân, coi vẻ thanh - cao :

Lòng tiên ngay thẳng dò sao bụng người ?

Đàn ông chỉ một nụ cười,

Có khi nghĩa trọng muôn đời cũng quên.

Kiếp hồng - nhan vốn truân - chuyên,

Sắc tài không khéo vô - duyên mắc lừa.

Hoa khô vì thiếu móc mưa,

Thiếu yêu, người đẹp cũng thừa phấn son ...

Nọc ong châm chích đào non,

Không rơi không héo, cũng còn vết đau ...

Canh vắng nằm nghe gió
Vi vu khúc đoạn - trường,
Trúc - thanh dào dạt sóng,
Góc núi hạc kêu sương...

Trằn trọc tan mơ bướm,
Bên hồ, ánh nước gương
Rung rinh mành liễu rủ,
Sen ngát giục thừa lương.

Khuê bích long lanh ngọc,
Ngân - hà cuộn nhớ thương,
Mây trôi về bến mộng,
Cố - lý biệt trùng - dương !...

Vãng cảnh, sầu man mác,
Tâm - hồn gửi viễn - phương...
Hằng - Nga, xiêm lụa bạch,
Lướt cỏ, chắn ngang đường

Nghê thường :

Xiêm múa, có đủ mầu sắc như mầu mống trên giời. Tục truyền vua Minh-Hoàng nhà Đường đêm Trung-Thu lên cung trăng, được xem tiên mặc xiêm đó và múa hát ; lúc trở về triều, nhà vua đặt ra khúc nhạc và điệu múa với xiêm giống như ở Quảng-Hàn (Nghê thường vũ y).

Thân em một bóng một giường,

Lòng em chan chứa tình thương muôn loài.

Chiếu soi khắp cõi trần - ai,

Người quên, em vẫn đoái hoài canh thâu.

Buồn, chia với khách ôm sầu,

Vui, chia với kẻ rót bầu quỳnh tương.

Minh - Hoàng ngán cảnh đế vương,

Nhờ em chọ khúc Nghê Thường giải khuây.

Có em, ngọn cỏ ngàn cây

Cùng non, cùng nước, cùng mây, mới tình.

Người khen em đẹp em xinh,

Thân em giữ vẹn chữ trinh ngàn vàng . . .

Vầng ngọc

« Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
« Nửa soi gối chiếc, nửa soi dặm trường.
(Kiều)

Soi chén :

Thi-sĩ thời xưa, ngâm thơ uống rượu dưới ánh trăng ; trăng soi chén. Như Lý - Bạch có câu : Khi đắc ý cứ vui cho phỉ, đừng để chén vàng không có rượu dưới bóng trăng soi

« Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,
« Mạc xử kim - tôn không đối nguyệt ».

Lòng người tính ác tiềm tàng
Vẫn kết án vô-tang giăng với gió.
Truyện bày đặt, điều kia tiếng nọ,
Buộc cho em lỗi bỏ chồng con.
Em trắng trong, dù khuyết hay tròn,
Xa hương lửa, tâm-hồn lạnh ngắt.
Đời phán đoán lệch thiên nghiêm ngặt !

Lúc trông em, thề chặt keo sơn,
Giờ ái ân thổ lộ nguồn cơn,
Canh khuya vẳng tiếng đờn chung thủy
Gặp nghịch-cảnh chia loan rẽ thúy,
Vầng ngọc này, mảnh quí chia đôi ;
Khi nhớ nhung, thương tiếc, bồi hồi, ...

Em là bạn, đứng ngồi cùng than thở.
Lúc cảm hứng bông quỳnh đua nở,
Thi-nhân chờ gió mở cung mây
Đón mời em soi chén vơi đầy,
Thú tao-nhã, vui vầy phong hoa nguyệt,
Dẫu thân mật, vẫn giữ gìn băng tuyết .

Tràng Khanh :

tức Tư - Mã - Tương - Như đời Hán. Người phong tình, gẩy khúc Cầu - Hoàng để quyến rũ Trác - văn - Quân.

Thanh khí :

cùng một thứ tiếng thì ứng hợp nhau ; cùng một khí loại thì hay tìm nhau (đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu) (Kinh Dịch).

« Lạ gì thanh khí lẽ hằng,
« Một giây một buộc ai giằng cho ra ».

« Kiều »

Lũ Tràng-Khanh mãi miết truy hoan,
Vắng bóng em, hay gió lạnh hoa tàn,
Vẫn sa ngã, mê man chìm bể dục.

Sao trách nguyệt hoa phong là thói tục,
Nhận xét lầm kẻ đục người trong ?

Nay gặp anh, bày tỏ nỗi lòng,
Có thông cảm mới đồng tâm chí,
Tương ứng tại lẽ hằng thanh khí,
Hà-tất còn giữ ý xa nhau ?

Đáp lời, cũng muốn đôi câu,
Giáng-Hương nhẹ gót, bỗng đâu tới gần ....

— Tài - tử giai - nhân

Đêm thanh cảnh vắng, non Thần mua vui !

Cô - liêu bao thủa ngậm ngùi,

Tìm ai chia ngọt xẻ bùi cho khuây ?

Hoa - khôi rực sắc cung mây,

Trần - gian ai chẳng đắm say chị Hằng,

Quân - tử biết chăng ?

— Duyên may phận đẹp ai bằng Giáng - Hương !

Còn em, mấy kẻ đoái thương ?

Thân em như khách qua đường,

Bơ vơ chiếc bóng dặm trường vắng tanh.

Nhân lúc tàn canh,

Ngắm cảnh gặp Anh,

Ngẫu - nhiên được bạn đồng - hành . . .

— đồng - tâm !

Lang quân vẫn thiếu tri - âm,

Thảo nào xao lãng sắt cầm,

Trướng loan trằn trọc, đau thầm vì ai ? . . .

Chớ gần nam nhi :

Theo nho-giáo, trai gái cách biệt không tiếp xúc với nhau.
(nam nữ thụ thụ bất thân)

— Thi - nhân nhiều nỗi cảm hoài,
Hữu - bằng như tuyết như mai,
Bên trong tương - kính, bề ngoài tương - thân...

— Nghe sách dưới trần,
Còn dạy nữ - nhân
Gìn vàng giữ ngọc chớ gần nam - nhi !

— Cõi phàm, thành - kiến sá chi ?
Người đoan - chính, kẻ đa - nghi,
Chẳng tin thì cũng nể vì cố - giao !

— Cầm kỳ phong - tao,
Lân lý ra vào,
Lầu cao tiếp khách, lẽ nào dưới hoa ?

Cành chim lá gió :

Cành đón chim phương nam phương bắc. Lá đưa gió thổi đi thổi lại. Do câu thơ của nàng Tiết-Đào nhà Đường :

« Chi nghinh nam bắc điểu »

« Diệp tống vãng lai phong »

Cha nàng đọc thơ, đoán biết con gái sau này lẳng lơ.

« Dập dìu lá gió cành chim,

« Sớm đưa Tống - Ngọc, tối tìm Tràng Khanh »

(Kiều)

— Lòng ngay, sao nghĩ thói tà ?

— *Cành chim lá gió, gần xa tiếng đồn !*

— Máu ghen quáng mắt mê hồn !

— *Qui chồng thương bạn, ôn tồn quá lâu !*
Nhỏ to tình - tự canh thâu,
Kẻ tìm an ủi, người cầu yêu đương,
Sắc hương lợi dụng chán chường,
Điền - thôi - Sinh quả biết đường chị đi . . .

Chán tai tiếng bấc tiếng chì,
Về phòng, Thức ngủ li bì mặc Hương.
Hương còn thổn thức bên giường,
Một tan, hai hợp, không nhường ái ân !

Ánh dương đã rọi Tam - Thần,
Còn gay còn gắt bao lần chưa khuây.

Thức rằng :

— Ơn nặng nghĩa dày,
Mới vui duyên mới chưa đầy nửa năm,
Tu hành hôm sớm vẫn chăm,
Lẽ nào yêu trộm nhớ thầm Hằng - Nga !
Đêm khuya dạo cảnh, nhớ nhà,
Đường mây sao tránh người ra kẻ vào ?
Xét nàng cốt cách thanh tao,
Ngẫm mình chưa đến nỗi nào ham mê.
Miệng đời nặng tiếng khen chê,
Khách thơ không thẹn đi, về cùng trăng.
Hồn thơ như tuyết như băng,
Phu thê giữ phận, hữu bằng chia vui . . .

Giáng - Hương dài ngắn sụt sùi,
Trông mây ngại ánh trăng xui mạch sầu . . .

Chăn gối bao ngày, tưởng biết nhau,
Lòng trần, em khó lượng nông sâu !
Thiềm - cung thoáng bóng, anh ngây ngất,
Lãng - uyển, hoa xuân chóng nhạt mầu ?

Sắc đẹp, em đâu kém chị Hằng ?
Phấn son chưa tủi ánh hoa - đăng,
Thói thường, chỉ ngại bên nam - giới
Mấy kẻ phong - tình chán tuyết - băng !

Thi - sĩ trần - gian khéo nói ngoa,
Giai - nhân nào phải một Hằng - Nga ?
Với người, em nhượng cho khoe sắc,
Không thể thua nàng, giữa chúng ta !

Tề mi :

ngang mày.

Mạnh - quang, vợ Lương - Hồng đời Hán, hầu chồng rất kính cẩn, mỗi bữa bưng mâm cơm ngang mày dâng cho chồng.

Từ thủa triều thiên học Mẫu - Vương,
Thoát phàm, đã tưởng dứt yêu đương,
Hương thề kiếp trước còn nghi ngút,
Lại sánh vai anh rẩn bước đường...

Tha thiết yêu nhau, hứa hẹn nhiều,
Thương anh bao thủa sống cô - liêu,
Hầu anh, chẳng khiến bầy cung - nữ,
Chén rượu tề - mi, phận sớm chiều...

Lắm lúc gần anh, ngỡ nhạt tình.
Thắm tươi duyên dáng đợi khen xinh,
Lựa mầu tô - điểm mong vừa ý :
Ướm hỏi thì anh chỉ lặng thinh !

Giữ lễ cùng em, nghĩ chẳng cần,

Ra vào cung kính, thiếu tương thân,

Nghiêm - trang, anh khiến em dè dặt,

Bình - thản, hay lòng cạn ái - ân ?

Đôi mắt xa xăm, mặt thẫn thờ,

Niềm tây, gợi chuyện, khéo làm ngơ.

Tâm - hồn thắc mắc trăm điều lạ,

Hạnh - phúc không màng, luống vẩn vơ !

Đã lánh trần - ai tới chốn này,

Yến vui theo nếp sống non Tây,

Nhập gia tùy tục, gây tình - cảm,

Hà - tất phê bình dở với hay !

Dung hạnh công ngôn :

Hay là công ngôn dung hạnh, bốn đức (tứ-đức) của phụ-nữ theo Nho-giáo : công việc, nói năng, dáng vẻ, nết na (Sách Ích-trí).

Xét cảnh Bồng-Lai khác cõi đời,

Hoài-nghi, anh chán cả hai nơi,

Lên tiên lại thấy tiên còn tục,

Đáng giận hay anh chỉ đáng cười ?

Tìm mới, anh đi tới đích chưa ?

Sông bao nhiêu nước chảy cho vừa ?

Duyên Hương tình Nguyệt, anh nhiều mộng,

Đằm thắm như em, có lẽ thừa !

Một đạo bùa thiêng, dễ mặn nồng,

Mẫu-Vương khuyên nhủ :

— Trái gia-phong !

Liệu bề cảm hóa, không mê hoặc,

Dung, hạnh, công, ngôn, thể ý chồng !

Anh trách em hay tủi, giận, hờn
Bút nào tả xiết nỗi cô - đơn !
Cợt đùa, chỉ thấy anh trầm - mặc,
Tĩnh - tọa khi em múa chập chờn.

Em muốn anh cười, nói, hát vui,
Say sưa thỏa thích ngọt hay bùi,
Chua cay, tiên - nữ không quen vị,
Lạnh nhạt, lòng em dễ ngậm ngùi . . .

Anh sống theo anh, chỉ vị anh,
Dẫu tìm chân - lý, dẫu cao - thanh,
Tóc tơ, để mặc sầu vương mối,
Ơi hỡi duyên tình, khéo mỏng manh !

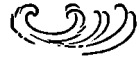

Nam-san :

Núi phương nam. Do chữ Thọ tỷ nam-san : câu chúc sống lâu lắm, như núi phương nam.

Thiên-tôn, lão-tổ :

Những tiên đã tu luyện đắc đạo như Nguyên - Thủy Thiên-tôn, Văn-thù Quảng-Pháp Thiên-tôn, Hồng - quân lão-tổ, Vương-Thiền lão-tổ, v.v... theo truyện thần tiên.

Doanh Bồng tú - khí thoảng hương lan,

Bốn bể thần tiên vượt dặm ngàn,

Bảo - thạch trân - châu mừng vạn - thọ,

Tuổi trời Vương - Mẫu quá nam - san.

Thiên - tôn lão - tổ chật trăm bàn,

Dải lụa hoàng - cân vướng ngọc - quan,

Lộng lẫy kim - bào xen tử - mãng,

Tay chào miệng chúc, tiếng cười ran . . .

Đoạn này phỏng theo tích Phó hội Bàn Đào trong Bát - tiên Đông - du

Bát - tiên :

Lý - Thiết - Quài hay Thiết - Quả. Hán Chung - Ly, Hà Tiên - Cô, Lâm Thể - Hòa, Lữ Đồng - Tân, Trương Quả - Lão, Hàn Tương - Tử, Tào Quốc - cữu.

(sẽ kể rõ lai lịch)

Bát trân :

Tám món ăn có tiếng là ngon, có từ đời nhà Chu :

gan rồng, tủy phượng, thai báo, chả thịt cú, đuôi cá gáy, môi đười - ươi, bàn tay gấu, lợn sữa quay.

Ngọc dịch quỳnh tương :

Rượu quí, như nước ngọt tương quỳnh, quỳnh cũng là ngọc

Dăm bà động - chúa nét thu tàn
Yên lặng chờ suông khách vấn an
Ríu rít tiên - nương, oanh gọi yến,
Khăn hồng áo tía rực dung - nhan.

Bát - tiên thù tạc chén giao hoan,
Hán, Lữ, Hàn, Lâm rượu rót tràn ;
Tào, Lý, Trương, Hà can chẳng được,
Xôn xao : cuồng - túy, sợ ngông càn !

Bát - trân nghi ngút khói xanh làn,
Ngọc - dịch quỳnh - tương dốc chứa chan.
Lấp lánh nghê - thường soi bóng nguyệt,
Đại - triều, vũ - nữ xuất toàn - ban . . .

Hồ khoan :

bắt cái hồ khoan : tiếng đong đưa của trẻ hoặc con gái thôn quê, vừa hát vừa múa tay hoặc bơi đò, v.v...

Thướt tha áo phượng rủ xiêm loan,
Xích, bạch, thanh, lam, xếp lại dàn,
Nhẹ gót hài nhung đưa bước nhạc,
Tà bay, cánh uốn, qwạt xoè nan . . ,

Rung rinh vai sánh, điệu liên - hoàn,
Lướt gió, vờn mây, chóng hợp tan,
Tiêu địch du dương, tỳ thánh thót,
Miệng ca, tay múa, bắt hồ - khoan . . .

Động - lý . . . mang mang :

Hai câu này của Tào - Đường, đời Đường nói về Thiên - Thai (Tiên - tử động trung hữu hoài Lưu - Nguyễn)

(Trong động, có trời nhưng xuân buồn, không thấy đường nhân - gian, bóng trăng mờ mịt).

Lưu - Thần, Nguyễn - Triệu đời Hán hái thuốc gặp tiên ở động Thiên - Thai, lấy tiên, nhưng ít lâu nhớ nhà đòi về, về tới nơi thấy đã qua lâu đời rồi, chán nản muốn trở lại Thiên - Thai, thì không thấy đường nữa.

Kề loan sánh phượng,

Nước non Bồng ai sướng chăng ai ?

Quãng thế - đồ mỏi bước lạc loài,

Chốn tiên - cảnh miệt mài thỏa thích !

Động lý hữu thiên xuân tịch tịch,

Nhân - gian vô lộ nguyệt mang mang,

Hương lan hãy đượm cúc vàng,

Kẻo sương tuyết, lại hai hàng lã chã.

Nhớ Lưu Nguyễn bùi ngùi tấc dạ,

Lối tiên, trần, đôi ngả mênh mông.

Xuân qua, tiếc lục thương hồng ! . . .

Cửa trời hé mở màn đông,
Tiệc vui cạn chén, sáo đồng bặt hơi ;
Say sưa, khách tạ, chủ mời,
Bơ phờ râu bạc, tơi bời tóc mây.

Hạc loan cất cánh non tây,
Bát - Tiên còn muốn vui vầy sóng xanh.
Đàn âu theo lướt bóng mành,
Bình - minh rọi ánh long lanh xa vời

Giong chơi

mỗi nơi viết một khác.

Rong (chính tả tự-vị Trần-văn-Khải trang 97) . Giong (Việt ngữ chính tả Ng.v.Tòng tr. 64, Tự-điển Khai-trí Tiến-đức lúc viết giong, lúc viết rong, trang 222 — 379).

Lữ-Đồng-Tân :

đỗ cử-nhân, trượt tiến-sĩ, không lấy vợ, không làm quan. Học đạo của Hán Chung-Ly, chịu 10 điều khổ-hạnh. Muốn giúp Phiên đánh Tống vì Tống muốn đánh Phiên, để trừ họa chiến-tranh. Chỉ muốn làm « nhân tiên » ở cõi dời, giúp đời, không muốn thành « thiên-tiên » ở thượng-giới.

Hà tiên-cô :

tên là Tố-nữ, có 6 khoáy, ăn bột vân mẫu (mica) mà tu tiên, không chịu lấy chồng. Cầm bông sen.

Trương Quả-lão :

con dơi trắng đắc đạo. Vua Đường mời ra làm quan, không chịu. Có nhiều phép lạ, vào lửa không cháy, xuống nước không chìm, cưỡi con lừa thì cưỡi ngược, về nhà đập bẹp thành giấy, lúc đi, lại thổi phồng.

Hàn Tương-tử :

cháu Hàn-Dũ nhà Đường. Dũ ghét Phật, Lão, Tương-tử bỏ đi học phép tiên với Hán Chung-Ly lên núi hái đào, té ngã chết, thành tiên. Biết thổi sáo hay.

Đồng - Tân rằng

— đã giong chơi,

Cưỡi mây cũng chán, đua bơi tầm thường,

Thần - thông tiện dịp phô trương,

Thử coi vượt biển, dùng phương - tiện nào ?

Đồng - tiêu thả trước ngọn trào,

Đè chân đứng vững, thấp cao không tràm ;

Tòa sen, xếp gối Quan - Âm,

Hà - Tiên - Cô mặc sóng gầm vượt qua

Trương, Hàn lừa giấy lẵng hoa,

Lênh đênh ngọc - bản, **Thể - Hòa** rượt theo ;

Thiết - Quài gậy trúc chân khèo,

Chung - Ly, phất chủ, lái chèo dặm khơi,

Vuốt râu, **Quốc - Cữu** ngắm trời,

Gió đưa thủ - quyển chơi vơi thuận dòng . . .

Ngao - du, nhẹ bước thỏa lòng,

Mây xanh lồng bóng nước trong vẫy vùng . . .

Lý Thiết - Quài :

hay Thiết - Quả. Học - trò Lão - Tử. Hồn theo Lão-Tử đi bốn phương, xác để nhà bị gia - nhân đốt mất, lúc hồn về không biết nhập vào đâu, phải nhập vào xác ăn mày què, có bịnh cùi, chống gậy. Lý-Thiết - Quài giỏi nhất trong Bát Tiên.

Hán Chung - Ly :

Tướng võ, đời Hán, tên Chung Ly-Quyền. Muốn rủ về học đạo, Lý-Thiết-Quài hóa phép làm cho Chung-Ly bại trận, mắc tội, cứu thoát, đem về dạy. Có phép chỉ đá hóa vàng.

Lâm Thể - Hòa :

nhạc-sĩ, hay ca hát, ra chợ kiếm được tiền, hay bố thí. Già mà trông như 15 tuổi. Một chân đi đất, một chân đi dép, mùa hè mặc áo bông không nực, mùa rét, áo mỏng cũng ấm, Cầm sênh.

Tào Quốc - Cữu :

em Tống Thái - Hậu.. Vì có người em ỷ thế làm càn, không muốn làm quan nữa, đi học Lữ-Đồng-Tân.

Tích Bát - Tiên quá hải hay được dùng làm đề - tài cho các mộc - công, họa - sĩ, điêu - khắc của Tầu, rất hay thấy ở các bức màn thêu, sập khảm, v. v...

Kình côn ngơ ngác hãi hùng,

Hang sâu cấp báo Long - cung giặc vào !

Long - Vương phẫn nộ thét gào,

Tập trung muôn ngọn cao - trào bể đông,

Ầm ầm hoán vũ hô phong,

Động binh thủy - quái, bố phòng hải - biên,

Nặng lời quở trách chư - tiên

Đột xâm thủy - quốc, ngang - nhiên thị tài !

Sóng tung, vỗ mặt Thiết - Quài,

Ướt râu Quốc - Cữu, ngập vai Thề - Hòa . . .

Chung - Ly, Hàn, Lữ, Trương, Hà

Đồng thanh

— Sinh tử can qua cũng đành !

Long - Vương vô - lễ bạo hành,

Long - Cung, quyết phá tan tành mới thôi !

Cũng có nơi vẽ tích Bát-tiên quá hải như sau, khác trong truyện :

Hán Chung-Ly cầm quạt. Hàn Tương-Tử cầm tiêu, Lã-Đồng-Tân cầm dép, Trương Quả Lão cầm gậy, Lý-Thiết-Quài đeo bầu rượu, Hà-Tiên-Cô bông sen, Lâm-thể Hòa lẵng hoa, Tào-Quốc-Cữu thanh gươm.

Theo truyện, thì sau khi Lã-Đồng-Tân lấp và đốt Đông-Hải, Ngọc-Hoàng trị tội cả Bát-Tiên, bắt giáng một cấp, và khiến Quan-Âm đặt lại Thái-sơn, viện trợ Long-vương sửa lại Đông-Hải.

Cấp truyền La - Sát, Thiên - Lôi
Bốn phương giáng sét, một hồi phi đao,
Hào - quang đốt rực ba - đào,
Đồng - tiêu hút gió ào ào hun mây,

Hồ - lô khói lửa xa bay,
Bể đông sóng dữ, đến ngày cạn khô,
Thạch - nham, kim - động ra tro,
Bừng bừng đáy biển như lò máu sôi,
Xương tàn, hải - thú tanh hôi,
Đồng - Tân hung - hãn, chưa nguôi oán hờn,
Hai tay lật đổ Thái - Sơn,
Lấp đầy hải - vực, dẹp cơn bất - bình . .

Giáng - Hương điện ngọc cầu kinh,
Vén mây, Từ - Thức một mình xa trông...

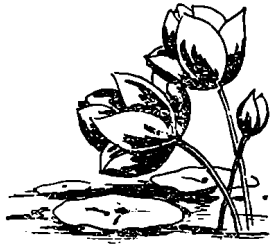

Lửa thiêng vừa nhạt ánh hồng,
Sau cơn tàn - phá, nỗi lòng hoài - nghi :
Gắng công tu luyện phép kỳ,
Càng linh - diệu lắm, càng bi - đát nhiều !
Đạo tiên huyền - viễn cao - siêu,
Đời tiên so cảnh Thuấn Nghiêu, không bằng

Hỏi ai bác - học đa - năng,
Đường tu, lối tục nên chăng thế nào ?

— Ngày xuân quên tiêu dao,
Buồn trông mây non cao,
Nhớ tiếc hay chán chường ?
Tóc rối như sầu vương.

Kinh sách, anh xao lãng,
Bằng hữu, không lai vãng,
Mặc em thân vò võ,
Nỗi niềm ai thấu tỏ ?

Trân - vị dâng ngang mi,
Mỹ - tửu rót trăm ly,
Đứng ngồi. anh lặng thinh,
Cô - liêu, ảnh đối hình . . .

Ngũ-hồ :

Năm hồ có tiếng ở Trung-Quốc ; Tây-hồ, Thái-hồ, Động-đình - hồ, Phan dương-hồ, Sào-hồ.

Cung điện chưa tráng - lệ ?

Tường ngọc thay vách quế !

Mãng bào, tơ không ấm,

Cừu, nhung hơn vóc gấm !

Song - Thành, đàn êm cung,

Phát - Trinh, giọng não - nùng,

Phi - Yến ngả cánh loan,

Ca múa, anh bàn hoàn . . .

Anh muốn cùng giương cánh,

Mầu sắc tìm muôn ánh ?

Ngũ - hồ qua tứ - hải

Tìm vui, ta đi mãi ?

Bạch-ngọc :

Tên một thứ lan.

Anh là khách yêu hoa,

Vườn xuân không ngó qua.

Gió lặng, hương ngừng bay,

Nhị đợi chờ ong say...

Phong - lan trong mưa, khóc...

Nắng se lòng bạch - ngọc,

Mai cúc mong sương lạnh,

Nhớ bướm, khô hồng - hạnh...

Khuya sớm anh bồi hồi,

Bứt dứt, em khôn nguôi ;

Anh ưa rượu, đàn, hoa,

Hay tơ tưởng... Hằng - Nga ?

Chung-Kỳ, Bá-Nha :
Bá-Nha, đời Tống, đánh đàn giỏi. Đi chơi thuyền, gẩy mấy bài, gặp Chung-Kỳ đoán biết được ý-nghĩa bài và tâm-tính người gẩy. Hai người kết bạn. Sau Chung-Kỳ chết, Bá-Nha đập đàn, không chơi nữa vì thiếu tri-âm.

— Cầm kỳ đâu phải chuyện giăng hoa ?
Cầm sắt năm cung lựa phiếm hòa.
Cố vuốt dây tơ chiều ý nhạc,
Sao gay tiếng yến lạc nhời ca ?
Tri âm Lộng - Ngọc tìm Tiêu - Sử,
Đồng khí Chung - Kỳ gặp Bá - Nha.
Rối khúc tâm tư đàn thất điệu,
Bác chì sao nỡ phụ lòng ta ?

Chỉ đào, e sớm phôi pha,
Cỏ cây, sầu nhuộm bóng tà, sương mai.

Thâm - tâm trăm nỗi u - hoài,
Bồng Doanh lại thấy ngày dài miên man . . .
Hỏi lòng sao khéo đa - đoan,
Lánh thân, vội bỏ tràn - hoàn ra đi ?

Sinh ký tử qui :

Sống là tạm gửi thân ở cõi đời này, chết là trở về chốn cũ, nơi nguồn gốc muôn vật phát sinh theo phép huyền bí của Tạo - Hóa.

(Tử, sinh, nhất khứ nhất lai. Vạn vật giai xuất ư cơ, giai nhập ư cơ — Trang - Tử).

Vô - Vi :

Theo đạo - lý huyền diệu của Lão - Tử, bậc thánh - nhân không hành động theo lối thường, lý thường của người, nhưng theo Thiên - tính, theo Tạo - Hóa.

Tìm phương bất - tử ích gì ?

Nhớ câu sinh ký tử qui lẽ thường,

Hết đời, dứt mối bi thương,

Muôn năm trường - thọ, tuyệt đường thoát - ly.

Tu - hành, chưa diệt hoài - nghi,

Đạo - đồ trông hướng vô - vi ngại ngàn . . .

Duyên tiên còn vướng lụy trần,

Dối mình lừa bạn, tâm - thần hoang - mang . . .

Gấm nhung ấp ủ đá vàng,

So le dạ thiếp lòng chàng quạnh hiu

Gượng vui, cầm sắt dặt dìu,

Dây tơ đòi đoạn, nhạc thiều sai cung . . .

Cỏ non in bóng thanh - tùng,

Hạc co chân đứng, hoa nùng hương bay,

Bạc đầu, lau mặc gió lay,

Yên lòng, suối mặc ánh ngày lướt qua . . .

Hồ-Công :

Theo truyện thần tiên của Tầu, thì có 3 người đều gọi là Hồ-Công : Thi-Tồn, Trương-Thân, Phí-Trương-Phòng. Hồ-Công có bầu Hồ-Thiên, muốn trông hết cảnh vật trời đất, chỉ việc chui vào bầu đó.

Kim ngọc đại thành :

Kim-thanh ngọc-chấn là tiếng đầu và tiếng cuối trong cổ-nhạc, tiếng chuông và tiếng khánh. Dùng để giải thích đạo-lý, thì điều-lý khởi đầu và điều-lý cuối cùng, như Kim-thanh và Ngọc-chấn, hợp cả lại thành đạo hoàn-toàn, cũng như hợp các tiếng từ Kim đến Ngọc thành ra chương nhạc đầy đủ. Mạnh-Tử gọi Khổng-Tử là bậc Tập-đại-thành, hợp tất cả đức trí thành một đạo lớn (Khổng-Tử chi vị tập đại-thành ; tập đại-thành giã giả, Kim thanh nhi ngọc chấn chi giã).

Xuân - phong man mác khí hòa,
Hạ mây cất bước tới nhà Hồ - Công.

Chủ - nhân da tuyết môi hồng,
Vạn - xuân tuổi hạc, nhi - đồng nét thanh.
Chân - tu kim ngọc đại - thành,
Càn khôn thấu suốt, tinh anh sáng ngời.

Động - trung đựng một bầu trời
Mỗi lần ghé mắt, muôn đời trông xa ;
Hồ - trung thâu gọn sơn - hà :
Một giờ ngắm cảnh như qua muôn trùng.

Hỏi tìm nguyên - lý cát hung,
Nhân - sinh, vũ - trụ tận cùng ra sao ?

Hồ - thiên mở nắp cho vào,
Hồn đưa một giấc chiêm - bao lạ lùng

Cực-đồ :

Theo Kinh Dịch, lúc chưa khai thiên lập địa, vũ-trụ chỉ là một khối mờ mịt, hỗn mang. Nguyên-lý sinh ra vũ-trụ, là Thái-Cực, có hai thể động và tĩnh ; động thành ra Dương, tĩnh sinh Âm. Âm Dương giao nhau, biến hóa dần thành vạn vật. Thánh Phục-Hy dùng nét ngang liền (—) tiêu biểu cho Dương, nét ngang đứt (— —) tiêu biểu cho Âm. Số lẻ là Cơ, phối với Dương, số chẵn là ngẫu hợp với Âm.

(Dịch hữu Thái Cực ; thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái).

Tịch - nhiên, vũ - trụ mông lung,
Mây mây khói khói muôn trùng hỗn - mang . . .

Cực - đồ, nẩy một nét vàng,
Âm, dương đứt gạch, hai hàng ngẫu, cơ.
Càn khôn như tỉnh giấc mơ.
Long lanh nhật, nguyệt, tỏ mờ chúng - tinh.
Ngũ - hành, năm sắc u minh,
Hợp xung hai khí, hóa sinh muôn loài,
Không - gian thoáng bóng vãng lai,
Thời - gian đổi tiết ngắn dài xuân thu . . .

Địa - cầu, lửa tắt, khói mù,
Nước mông mênh ngập, núi lù lù cao.
Thái - dương rọi ánh ba - đào,
Sinh - trùng theo ngọn thủy - trào man diên.
Cỏ non gió lướt giang - biên,
Bình - sa chìm nổi, tang - điền xanh xanh.

Xù lông, chim nấp đầu cành,
Nhe nanh, khỉ độc tranh giành trái tươi.
Cửa hang sừng sững bóng người,
Tóc xòa, râu rậm, thân mười thước cao.
Miếng ăn, tay cướp, miệng gào,
Thịt tanh nuôi sống kẻ nào mạnh hơn.

Thú muông vang tiếng căm hờn,
Sinh - tồn một kiếp, bao cơn hãi - hùng !

Ngũ-hành :

Năm chất kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Nhật Nhật Tân :

Mỗi ngày một mới hơn, tiến hơn (Cẩu nhật-tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân — Đại-Học).

Trải mấy thủa vô - cùng khốn đốn,
Người - hang sâu vật lộn chống muôn loài,
Lực dù thua nhưng trí sớm khai,
Đường sinh - hoạt bước dài vạn - khoảnh . . .

Vượt chướng - ngại tùy thời biến cảnh,
Khéo điều hòa sức mạnh thiên - nhiên,
Đuốc văn - minh chiếu rực cõi u - huyền,
Bắt vũ - trụ nhỡn - tiền phơi bí - quyết . . .

Dụng ngũ - hành, ra tay kiến thiết,
Thoát cơ - hàn, thuận tiết khai - canh,
Dựng hương - thôn, lập ấp, xây thành,
Sông, núi, biển, rừng xanh, thâu vạn - bảo.

Tài chế hóa không nhường thợ Tạo,
Được phú - cường, kiêu ngạo, xa hoa,
Nhật nhật tân, vẫn thiếu lạc - hòa,
Đời tục - lụy, chưa qua ngày khủng - khiếp . . .

Mãnh - thú diệt, lại sinh đạo kiếp,

Sống quây quần, duyên nghiệp vướng muôn dây,

Trí sớm cao nhưng đức chưa dày,

Máu hung - hãn ngập đầy thể xác,

Tham quáng mắt, dục - tình xui gian ác,

Mải mê tìm khoái - lạc, thấy ưu - phiền,

Rồi cạnh tranh, tao loạn, đảo điên,

Qua vạn - kỷ liên - miên khốc hại . . .

Tam-hoàng :

Ba đời vua thời thượng-cổ nước Tầu Thiên-Hoàng, Địa-Hoàng, Nhân-Hoàng. Cũng có thuyết khác là 3 vua đó mang hiệu : Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng-Đế.

Ngũ-đại :

Năm đời vua nhà Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu. Về sau, năm đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy cũng gọi là Tiền Ngũ-đại ; năm nhà Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu, gọi là Hậu Ngũ-đại.

Đường, Ngu :

Nhà Đường, vua Nghiêu ; nhà Ngu, vua Thuấn.

Xuân, Thu :

Thời loạn-lạc, từ đời Chu-Bình-Vương (770 trước Thiên-Chúa) Thiên-hạ chia rẽ, chư-hầu tranh dành, tương tàn, dân-tình rất khổ sở.

Trụ, Kiệt

Vua Kiệt nhà Hạ (năm 2205-1818 trước T.C.), Vua Trụ nhà Thương (1783-1154 trước T.C.) đều hoang dâm vô đạo, tàn dân hại nước.

Võ, Thang

Vua Vũ hay Võ nhà Hạ (2197 trước T.C.), vua Thang nhà Thương (1783-1753 trước T.C.) là hai vị minh-quân, có tài đức. Vua Vũ trị thủy, vua Thang trừ bạo Kiệt. Hai vua này đã thực hiện được nhiều cải-cách xã-hội.

Kể từ thủa Tam - Hoàng, Ngũ - Đại,
Mấy cơ - đồ tồn tại thiên - thu ?
Dẫu khai - nguyên non nước Đường Ngu,
Lúc mạt - vận, quân thù lật đổ.

Khi sáng nghiệp, công - trình Thái - Tổ,
Đức xứng tài, tế độ nhân - dân
Được dăm đời, thiện - chính suy dần,
Tặc - tử khiến loạn - thần trái tiết,
Đẩy vào cuộc tam - phân ngũ - liệt
Thời Xuân - Thu, cảnh Trụ Kiệt, cuộc tuần - hoàn
Đưa tới ngày đói rét lầm than,
Do mấy kẻ hung tàn vô - đạo.

May cách - mạng cứu dân trừ bạo,
Đấng Võ Thang tái tạo sinh linh,
Thuận lòng trời lập pháp chánh hình,
Giúp thiên - hạ thái - bình an - lạc.

Hy-Lạp :

Hy-Lạp có nền văn-minh rất cao, từ thế-kỷ thứ XV trước Tây-lịch. Sau vì các xứ-quân chia rẽ tương tranh, thế-lực kém dần, rồi bị quân La-Mã đánh phá (86 trước Thiên-Chúa).

La-Mã :

La-Mã cũng thành một xứ Cộng-Hòa cường thịnh từ 510 trước Thiên-Chúa, và tự đó, càng ngày càng mạnh, thôn tính Âu-châu và Cận-Đông, bá chủ các miền này, nhưng sau cũng vì nạn tương tranh giữa các vua chúa và chư-hầu, và sự kiêu xa của dân-chúng, mà La-Mã suy nhược, đến 476 sau Thiên-Chúa thì đế-quốc bị tan vỡ.

Tiếc gương sáng không soi lòng đen bạc,

Vẫn tham ô, tội ác, oán sâu . . .

Khắp đông tây, chiến-họa thảm sầu

Tan đế - quốc, rụng đầu vương bá,

Phá Hy - Lạp, rã rời La - Mã,

Khói lửa hun nát đá chảy vàng,

Nền văn - minh như đống cát dã - tràng,

Xây lại đổ, tan hoang theo gió bụi . . .

Nếu chánh - đức, với sức người cặm cụi,

Tới ngày nay sông núi điểm muôn hoa,

Dầu nắng mưa, trên thuận dưới hòa,

Đường tiến - hóa, âu ca điệp - khúc . . .

Uy vũ :

Uy-quyền vũ-lực không thể nạt người quân-tử. (Phú quí bất năng dâm, bần-tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất . . . . Mạnh-Tử).

Đứng trước cảnh bụi mù cõi tục,

Biết sao tìm hạnh - phúc nhân - sinh ?

Người mỉa mai

— *Dã - thú tung hoành,*

Cuộc thiên - diễn, đấu tranh đắc thất,

Luật đào - thải, mạnh còn yếu mất,

Trí hơn tình, ngay thật chịu thua khôn.

Chuyện nghĩa - nhân ủy mỵ tâm - hồn,

Miễn thắng lợi, người tôn, kẻ phục.

Hoặc an ủi

— Lụy đời mang nhục,

Hoài công - phu lục đục, đua ganh !

Lánh trần - ai, giữ tiết cao - thanh,

Nơi ngõ trúc, tu hành, hay ẩn dật,

Vui non nước, bạn cùng vạn - vật,

Uy - vũ đừng mong khuất lòng ta !

Lập ngôn :

Lập thuyết, truyền bá tư tưởng, hay soạn sách lưu truyền cho đời sau. Cổ-nhân thường có ba cách lập thân : lập đức : tu thân, tích đức ; lập công : làm nên công-nghiệp với đời ; lập ngôn trước thư, giúp ích bằng văn-hóa.

Người khuyên răn

— *Sáng phải dắt lòa !*

Trời đất phú tài ba lỗi - lạc,

Gánh tang - bồng, nam - nhi xốc vác,

Danh muôn đời ghi tạc núi sông,

Hay lập - ngôn, văn - tự cũng huân - công,

Vườn tư - tưởng, vun giồng cho hậu - thế.

Khách than thở

— Lao thân tìm sinh - kế,

Thích an - nhàn, thực - tế vẫn giằng co,

Một thân mình chưa dễ ấm no,

Hà - tất nghĩ chia lo cùng kẻ khác ?

Cầu phú quí, chỉ mong hành - lạc,

Bóng ngày qua, sớm bạc râu mày ! . . .

Cứu cánh :

Kết quả cuối cùng.

Chu Dịch :

Kinh Dịch là sách triết-học đầu tiên của Tầu. Sách này đã qua tay nhiều tiền-triết soạn (Phục-Hy, Văn-vương, Chu-công). Đời thượng-cổ, chưa có văn-tự, người đời chưa biết gì là lợi, hại, cát, hung. Thánh Phục-Hy quan sát vạn vật, chế ra văn-tự, đặt ra sáu phép viết, vạch bằng dấu : 8 quẻ, rồi lại chế thêm thành 64 quẻ, 64 dạng chữ. Tỉ như : 3 nét ngang liền ☰, quẻ Càn, là trời, 3 nét ngang đứt, ☷, quẻ Khôn, là đất, v.v... Văn-vương nhà Chu, hiểu ý thánh Phục-Hy, biết rằng dùng 64 quẻ để mở trí khôn cho người làm được việc đời « khai vật thành vụ », nhưng e người đời không hiểu, nên mới giải thích từng quẻ. Đến Chu-Công Đán lại đặt thêm « hào », 384 hào. Tự đó, Kinh Dịch mới rõ nghĩa hơn xưa, tuy còn phức tạp lắm. Vì Chu-Văn-Vương và Chu-Công Đán có công kể trên, nên hậu-thế thường gọi sách đó là Chu-Dịch.

Hỏi Hồ - Công lẽ phải đường ngay,

Chân - nhân dạy

— Đổi thay nhìn rõ cảnh !

Cuộc thiên - diễn muôn hình vạn ảnh

Vẫn tỏ tường cứu - cánh nhân - sinh.

Giữa thế - gian, nhận đúng chỗ mình,

Tin thiên - mệnh, lộ - trình đưa tới đích.

Dẫu hạ - giới mịt mờ Chu Dịch,

Ngắm cõi trần, giải thích được huyền - cơ,

Vượt thời - gian không bến không bờ,

Thuyền nhân - loại, lửng lơ về hướng định

Cũng có lúc trời quang mây tĩnh,
Vẳng sáo thiều, đủng đỉnh quãng nhàn - du ;
Cũng có khi tiết lạnh sương mù,
Lòng quá - khách âm u ngờ lạc lối ;

Cũng có lúc mưa tuôn sóng giội,
Vụng tay chèo, chìm nổi mặc phong - ba ;
Cũng có khi nước thuận gió hòa,
Tranh chỗ mát, nào va, nào chạm,
Mất thăng bằng, kẻ rơi, người bám,
Mũi quay ngang, thuyền tạm lui xa,

Đành buông trôi, mấy khách vị - tha
Chịu đắm đuối cho người qua nguy - hiểm

Đức hy - sinh thiêng - liêng mầu - nhiệm
Khiến lòng người thâm nhiễm yêu thương,
Bớt hung tàn, nghe tiếng gọi thiên - lương,
Vững tin - tưởng, theo đường tiến - hóa.

Đường tội ác, lắm phen tai họa,
Tiến lại ngừng, cải - quá lại đi mau,
Tuy dặm trường, gối mỏi, bước đau,
Chân giời sáng, trước sau chầu Thượng - Đế

Chắp tay vái tạ Hồ - Công,

Chân mây rạng tỏ, nỗi lòng phân - vàn,

Phòng riêng, lánh mặt người thân,

Canh thâu trằn trọc nghĩ gần nghĩ xa.

Đường đời lại thấy ngã ba,

Sương thu lạnh bóng trăng tà đầu non

— Đàn mãnh - thú sống còn vì mạnh,

Giữa muôn loài tranh cạnh máu xương.

Người hang sâu hung - bạo, — lẽ thường —

Mong tránh thoát đau thương, đành giết hại,

Trót quen thói, không chừa đồng - loại

Khi mưu sinh chưa toại sở - cầu.

« Hiện nay, sự Tiến-hóa không ở phạm-vi cơ-thể hoặc sinh-lý, nhưng tiếp-tục trong phạm-vi tinh-thần và đạo-đức ».

(L'Evolution continue de nos jours, non plus sur le plan anatomique ou physiologique, mais sur le plan spirituel et moral).

Lecomte du Noüy (L'homme et sa destinée). P. 93.

Đời hợp - quần, chế ngự lẫn nhau,
Đặt hình - pháp rồi sau giáo hóa
Chung quyền - lợi, phải nén lòng vị - ngã,
Hiểu luân - thường, thượng hạ biết tương - thân ;
Đức chưa thành nhưng nết đã thuần,
Tự vật - chất đến tinh - thần, xa vẫn tiến ;
Diệt thú - tính bước lên văn - hiến,
Leo dốc đường tận - thiện tuyệt vời cao
Dẫu đôi khi xâu xé thét gào,
Được dìu dắt, lại trở vào chính - lộ.

Kẻ yếm - thế xui giục người tương ố,
Dùng bạo - hành khủng bố nhân - tâm,
Coi nhân - gian như cảnh tối sầm,
Chốn địa - ngục âm thầm tội lỗi

Nhờ lương - tri, sắp chìm lại nổi,

Gột lòng trần, sám hối thoát tràm luân.

Xét thiện - năng, thấu nghĩa nhân - quần,

Hà - tất phải cô - thân độc đạo ?

Khách ẩn - dật mong vẹn toàn tiết - tháo,

Thích tiềm tàng, trân - bảo ngại bùn giây,

Lánh bụi hồng, bạn với nước mây,

Mặc nhân - loại sa lầy nơi khổ - hải ;

Hoặc vị - kỷ, ngao du tìm thư thái,

Thả cô - chu nhẹ lái, hướng Đào - nguyên ;

Hay chán chường thế - sự đảo điên,

Bất đắc - chí, người hiền mau thoái bước,

Thiếu tranh đấu, uổng tài thao - lược,

Tiếp cuộc cờ, thua được cậy đời sau . . .

Người kinh - luân, nhưng mắc bả công hầu,

Để mắt quáng sắc màu phú quí

Bậc trí - dũng dọc ngang cung thỉ,

Nhuộm máu đào, cờ chỉ bốn phương

Khách tài - hoa mài giũa văn - chương,

Vì danh lợi,

cũng xa đường chính - đạo.

Nhằm tuyệt - đích, trái hoàn, ân báo,

Diệt lòng tham, kiêu - ngạo với hư - danh,

Thuận lẽ trời, chỉ thấy công thành

Khi thiên - hạ theo lành bỏ ác.

Tranh hoành :

Dùng võ-lực tranh giành nhau. Sách Thông-Giám có nói : dem dân-chúng ở Giang-đông quyết đánh hai trận cùng thiên-hạ tranh hoành.

« Đã chuyên sủng ái, lại toan tranh hoành ».

(Đại-Nam Quốc-Sử diễn-ca)

Tìm sinh - thú, dục - tình đòi khoái - lạc,
Máu bừng sôi, thân xác lả say,
Tốn công - phu, mải miết đêm ngày,
Cầu mới lạ, đổi thay muôn vị sắc,
Luyện tài tri, bày trò mê hoặc . . .

Cuộc liên - hoan chưa chắc bền lâu
Khi bốn phương gió thảm mưa sầu,
Chuyện cơm áo bạc đầu chưa giải - quyết . . .

Người cực - lạc, kẻ hơi tàn sức kiệt,
Kẻ thèm thuồng, ghen ghét, căm hờn,
Gây tranh hoành, sống mái thiệt hơn :
Bao xã - tắc giang - sơn từng sụp đổ !

Lạc-phố :

Bến sông Lạc, nơi có thần tiên ở.

« Tùy theo khả-năng của mình, tất cả mọi « người phải hướng về lý-tưởng nhân- « loại toàn-thiện toàn-mỹ, không phải vì « mục-đích ích-kỷ được sự an-tĩnh cho « tinh-thần, được sự thanh-nhàn thảng « thích cho tâm-hồn hay cả sự bất-tử, khi « hòa mình vào công-cuộc vĩ-đại của Tạo- « Hóa ; phải góp phần để dọn đường « cho một dòng giống cao - thượng mà « tiến luật hóa đã hứa hẹn phát sinh ».

« Tout homme doit tendre, dans les « limites de ses facultés à l'idéal humain « le plus parfait, non seulement dans « l'égoïste dessein d'acquérir la paix de « l'âme, le bonheur intérieur et l'immor- « talité, en s'intégrant à l'œuvre divine, « mais pour collaborer à cette œuvre « et préparer l'avènement de la race su- « périeure promise par l'évolution ».

(Lecomte du Noüy.
L'homme et sa destinée — p. 187-88
La dignité humaine — p. 167)

Thương nòi giống lầm than đau khổ,

Cảnh Bồng-châu, Lạc-phố nhạt màu xuân.

Bỏ thanh-nhàn cho vẹn nghĩa-nhân,

Xả hạnh-phúc, xuống trần góp sức !

Cùng tiến hóa thoát nơi cơ - cực,

Quay gót về, đạo - đức sáng tâm - linh !

Dẫu qua đời, dòng dõi anh - minh

Tiếp mạch máu hòa mình vào nhân - loại,

Muôn thủa cùng núi sông trường-tại,

Theo tuần-hoàn trở lại uyên-nguyên,

Hà-tất tham bất-tử nước non tiên

Để vạn-kiếp ưu phiền không đạt mịnh !

Bao năm trước hoài công suy tính,

Sách thánh-hiền chưa tỉnh giấc mơ.

Lắm thuyết hay, tâm trí càng mờ,

Học chưa đáo, hết ngờ đến nản.

Ngẫm tiền-triết lẽ nào gây ly-gián

Để bao người chán ngán nhân-sinh ?

Đạo-lý cao, huyền-viễn, siêu-hình,

Hậu-thế liệu phê bình, tham bác :

Một tán dương thì hai xuyên tạc,

Loạn tâm-thần, đánh lạc sĩ-phu,

Giảng không tường, học mãi vẫn âm u :

Ôi, bể học tối mù, ai chiếu sáng !

Đường tiến - hóa phương xa tỏ rạng

Cuộc nhân - sinh, định - mạng cao siêu,

Diệt kiêu - căng, dời chốn cô - liêu,

Về đất nước, thuận chiều thiên - lý.

Chân trời rực ánh vàng tuyệt - mỹ,

Buổi khai - minh, hoan hỷ phút đầu tiên,

Phút quang - huy khoáng - hậu không - tiền

Của tin - tưởng vô - biên tràn sức sống . . .

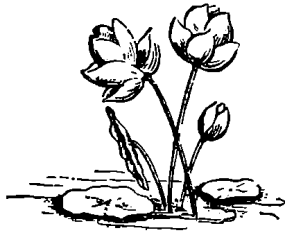

— *Anh trằn trọc, nỗi niềm chi xúc động*

Khiến canh thâu xuân - mộng tiêu tan ?

— Cho anh thổ lộ tâm can,

Muôn năm tới lúc phải bàn thiệt hơn !..

Kể từ buổi mông ơn Vương - Mẫu,

Thoát hiểm nghèo, phối ngẫu lương - duyên,

Anh đã tin hạnh - phúc vô - biên,

Quên dĩ - vãng, ưu - phiền đời tục - lụy,

Rượu chung - tình, đôi ta trường - túy,

Cảnh với người tuyệt - mỹ ...

— *Lại Hằng - Nga !*

... Bạn bè, đâu có chuyện giăng hoa ?

Người yêu quí thiết - tha, em độc - nhất !

Duy tự xét bản - năng chân thật,

Yêu rực lòng, ngây ngất mấy ai hay ?

Nhát hay si, tình - cảm khó phô bày ...

— *Giữ hòa - khí, bao ngày em cố gắng !*

— Cánh hồng bạch không quen mưa nắng,

Em là hoa trong trắng ngây thơ,

Tưởng ái - tình như cánh bướm phất phơ

Cùng hương sắc nhởn nhơ say tỉnh ...

Anh là kẻ tâm - thần bất - định,

Muốn cao - thanh an - tĩnh, mới lên tiên

Với cỏ cây vui thú thiên-nhiên,

Lại sôi nổi cuồng điên muôn dục - vọng !

Hồn thoát tục, tuyệt vời mong bay bổng,

Xác mê ly, máu nóng rực bầu xuân ...

Đích càng xa, khi tưởng sát gần,

Mâu - thuẫn hóa phân vân buồn bực.

Chỉ hoan - lạc, đời vô - ý - thức,

Luống ưu - tư : thất - đức lánh đường ngay ?

Đạ hoài - nghi nào biết dở hay ?

Anh suy nghĩ đêm ngày, yên lặng khổ !

Siết, xiết :

Khôn xiết : Chính tả tự-vị T.V.Khải trang 134.

Việt-ngữ chính tả Ng.V.Tòng trang 86.

Khôn siết : Tự-điển Khai Trí trang 653 Đào Văn - Tập, trang 531.

Khi ăn ở, lúc ra vào, nhiều thắt thố,
Tính hại tình, thô - lỗ vô - duyên,
Chuyện mến chiều, anh trót lãng quên,
Em giận, dỗi, khóc, ghen : không tạ lỗi,
Trò nhi-nữ, coi thường, dù tiếc hối,
Yêu đương chưa thắng nổi kiều-căng.

— *Tấm thân em trói chặt xích - thằng*
Dẫu tiên - chúa, chỉ bằng nô - lệ !
Giọng gay gắt, vẻ hững hờ, câu tàn tệ
Hiểu thì thương, khó kể siết nguồn cơn.

Đáy lòng em không lắng đọng oán hờn,
Được soi xét, hàm ơn anh mãi mãi...

Muốn bộc lộ, sao ngượng ngùng, e ngại ?
Nét mặt trông như dại như ngây ?

Tạnh mưa dào, trời lại quang mây,
Tan giận dữ, sánh dây cầm sắt.

Kìa ngấn lệ ướt mờ đôi mắt !

— Mỗi lời em như cắt ruột gan anh !
Hạnh - phúc đôi ta, gương vỡ khó lành ! . . .

— *Anh nói gở !*

— Không, anh nói thiệt,
Dù phật ý, em cần hiểu biết,
Mảnh trăng thề, tuy khuyết vẫn quang - minh.
Sống bên nhau tính chẳng hợp tình,
Rẽ đôi ngả, bóng hình theo dĩ - vãng,
Xa dần mãi, thấy đâu tươi sáng ?
Thiếu chân - thành, xao nhãng yêu đương.

Biệt tiên - cung, em chẳng am tường
Những cảnh-ngộ bi thương khốc hại .
Đời rực rỡ, tưng bừng, êm ái,
Vườn vạn - xuân, em hái vạn bông tươi,
Lộng xiêm y, ca múa, sớm khuya cười,
Sao thấu nỗi con người trần - thế ?

Người mưu sinh, lao tâm, bại thể,
Nhục, vinh, cùng tàn phế suy vong.
Riêng phận anh bao thủa long đong,
Tại trí - não viển vông nhiều thắc - mắc,
Học chưa đáo, hoang mang, cầu bất - hoặc,
Muốn tâm - hồn vằng vặc...

— *Bóng trăng thu !*

Tiến hay lui, xa quãng sương mù,
Tìm thanh - tĩnh, vân - du thảng thích.
Nhập Bồng Doanh, hằng mong tới đích,
Tưởng hợp hòa, triêu tịch chia vui,
Lệ sầu em dài ngắn sụt sùi,
Anh não ruột, bùi ngùi trăm nỗi...
Anh không nỡ giấu em và tự dối,
Phụ tình càng đắc - tội, hết an - tâm.
Trót yêu nhau, ti trúc thiếu tri - âm !

— *Em chịu đựng, xót thầm, anh chẳng thấu !*

Đã thông cảm, thay cung hòa tấu,

Sửa tính tình, tự hậu dễ thương nhau . . .

— Dẫu xe tơ kết tóc bền lâu,

Anh không toại sở - cầu nơi tiên - cảnh

Cuộc nhân - sinh tỏ tường cứu - cánh,

Bầu Hồ - Thiên vạn ảnh muôn hình !

Lánh non tiên vui thú riêng mình,

Nhớ đồng - loại, tự khinh và tự trách.

Xa cố - lý, bâng khuâng hồn lữ-khách,

Xót thương người đói rách lầm than.

Lũy tre xanh bên xóm chắc điều - tàn,

Mái rêu mốc, phong - lan ủ rũ . . .

— Giữa Bồng Doanh, ngóng trông làng cũ !
Đã khinh em, còn phụ Mẫu - Vương !
Kẻ chung tình, anh chẳng đoái thương,
Mến tiếc hạng tầm - thường hạ - giới.

Thân thích tuyệt, nào ai mong đợi ?
Ngọn dâu cằn, rũ rượi cánh phù - du . . .
Mảnh vườn hoang, nước đọng ao tù,
Mặc cho khuất sương mù quá - khứ !
Nhìn hiện - tại muôn chung ngàn tứ,
Hướng tương - lai, bất - tử với tình yêu.

Vắng bóng anh, hồng hạnh sẽ tiêu - điều,
Em vạn - kiếp cô - liêu trong tịch - mạc !

Đến rồi đi, yêu làm chi, thậm ác,
Bướm yêu hoa tan tác lòng hoa ! . . .

— Quen phong - trần, bốn bể không nhà,
Anh chẳng ngại phương xa rẫn bước.
Muốn trường - tại, đây là cõi phước,
Đã mấy ai mơ ước, được như anh ?

Nhưng cây khô còn gốc lại ra cành,
Gốc Hồng Lạc, đất lành, bền chặt rễ,
Xa vạn - lý, sâu bằng hải - để,
Buộc ràng bao thế - hệ với giang - sơn !

Nhạn lạc đàn muôn dặm cô - đơn,
Cánh dẫu mỏi, chập chờn theo hướng tổ . . .

Hãy chia tay, thiếu chi ngày tái ngộ,
Bóng hình em triêu mộ vẫn bên anh . . .

— *Tơ duyên thường tiên đoán mỏng manh,*

Tình thua nghĩa, em cũng đành,

không oán hận.

Ôi cao xanh, lòng thương vô - tận,

Tắt lửa tình, mưa trận nước dương !

Nhớ bụi hồng, anh muốn rẽ cương,

Xin ngẫm kỹ, không đường trở lại . . .

Nước non tiên mây mờ gió trái,

Sóng dạt dào, khổ - hải cuộn yêu đương !

Rực máu đào, em quên kiếp đoạn - trường,

Tuy biết trước, Mẫu - Vương sao chẳng nói !

Tu cõi phúc, em lảng theo tiếng gọi,

Tiếng nhạc lòng giả dối mê ly

Lúc yêu nhau, ta chẳng đắn đo gì,

Rồi anh nghĩ, trí đã suy, tình phải tuyệt !

— Hãy ưng thuận ít ngày tạm biệt,
Anh giúp đời, nhiệt - huyết thấy đương sôi
Bại hay thành, khi mái tóc bạc rồi,
Còn thiên - phúc, sẽ hồi thượng - giới.
Nếu thương anh, kiên tâm chờ đợi
Giờ tái - lai, nối sợi chỉ hồng.

— *Cảnh trùng - phùng đâu dám ước mong !*
Yêu, nhưng khó tin lòng bất nhất.
Anh yêu em, chỉ trong giờ ngây ngất,
Mộng tan rồi, sự thật đáng buồn thay !
Chuyện bất - hòa bất - hợp xảy liền ngay,
Anh hối tiếc mê say mù quáng.
Hết sôi nổi, hoài nghi, cầu ánh sáng,
Tới phương nào quang - đãng, cao - thanh . . .

Tỉnh hay mơ, anh giữ vẹn tâm thành
Em tha thứ, ngày xanh cam chịu khổ.
Vì muốn thủa con người tìm chính - lộ,
Phải hy sinh, dứt bỏ dục - tình,

Vướng chân anh khị tự xét mình,

Em trở lại tu - hành, mong chính - quả.

Đi hay ở, hãy nhận lời thâm - tạ,

Được dịp này em trả nợ ba - sinh.

Khóc Thiên - Thai, Lưu Nguyễn tuyệt vân - trình,

Anh có nhớ, đinh ninh em vẫn khóc ! . . .

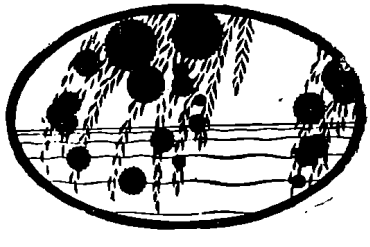

Vân dịch ký qui . . . khai :

Rượu tiên cho, đã về, cố uống. Sách quí, của tiên gửi, vô-sự, đừng mở xem.

(trong bài : Tiên-tử, tống Lưu-Nguyễn xuất động của Tào-Đường)

tả lúc tiên-nữ tiễn chân Lưu-Nguyễn và dặn dò

« Vân - dịch ký qui tu cưỡng ẩm,

« Ngọc thư vô - sự mạc tần khai »

(Tào - Đường)

Gửi anh Từ - Thức,

Hạ bút canh trường vĩnh - biệt nhau,
Mực hòa nước mắt, nén lòng đau,
Chữ không in nét, lời sai ý,
Bạch - lạp thương tâm rỏ lệ sầu.

Nỗi - niềm, khi thấu, bóng anh xa,
Du - tử hân - hoan trở lại nhà,
Phó mặc non tiên cho gió lạnh,
Vui buồn đã có chị Hằng-Nga.

Không biết giờ đây anh muốn chi ?

Rượu nồng say tỉnh được bao ly ?

Thăm nom, chẳng thiếu người nhan - sắc,

Nghĩa cũ tình xưa đáng kể gì !

Mải tìm lẽ sống, lạc ra khơi,

Chẳng phải vì em, lánh cõi đời.

Dẫu đến hay đi, tùy lý - tưởng,

Thương em, bất-quá chút duyên trời !

Ngăn trở thì anh khó bỏ về,

Phép linh, em dễ cắt vân - thê,

Mẫu - Vương khuyên giải cho như ý,

Xử sự tùy tâm, mặc tỉnh mê !

Lưu anh, chưa chắc giữ tình thương,
Anh quyết đưa em bỏ giữa đường !
Hương lửa nhạt phai lòng mới nỡ,
Nhị đào đã hút, cạn yêu đương.

Ngẫm kỹ, làm sao thoát chị Hằng ?
Lòng anh đâu phải lạnh như băng !
Bộ ba 'không thể chung duyên phận,
Thà dứt cho xong sợi xích - thằng !

Anh khuyên cùng sống giữa nhân - gian,
Cũng muốn theo anh đến phút tàn,
Anh thác, riêng em hồi thượng - giới,
Bỏ anh, lại tủi kiếp hồng - nhan !

Đứt ruột, anh đi chẳng tiễn chân,

Sương thu lặng lẽ biệt non Thần . . .

Nhớ anh chỉ gạt đôi dòng lệ,

Sao nỡ trông anh xuống cõi trần !

Anh nằm thiêm - thiếp, ngủ đương say,

Đợi ánh vầng đông, cất bước ngay.

Túi rách, tơ vương khâu bận chớt,

Mắt mờ, kim chạm, máu giây tay.

Sửa túi, hoa - tiên gửi mấy hàng,

Sắt cầm văng vẳng tiếng tình tang,

Bồng Doanh khói phủ, giăng tròn khuyết,

Hình bóng theo nhau giấc mộng vàng !

Giáng - Hương

Phần Thứ Ba

Có phải đây làng cũ ?
Bia rêu, nét chửa mòn,
Bên sông, tòa cổ - miếu
Mưa gió nhạt vàng son.

Vũng biển, phù - sa lấp,
Vi - phong gợn cỏ non,
Đảo xanh liền ruộng cả,
Nhẹ cánh lũ cò con . . .

Đất nước dư sinh - khí,
Sao vườn được héo hon ?
Giạu xiêu, bìm rủ lá,
Ngõ trúc, vết không còn.

Góc núi, tìm thân thích
Mồ xây, ngập cát còn !
Ngạc - nhiên, người lạ mách
— Cụ Ấm ở đầu thôn !

Nghe nói tên Từ - Thức,
Giương đôi mắt kính tròn
— Hai mươi năm về trước,
Đáy nước ngậm oan hồn ! . . .

Giãi :

Giãi tỏ, giãi bày :
theo Tự Điển Đào-v-Tập, trang 236

Dãi :

theo Chính tả Tự-vị T-v-Khải, trang 63

Kể từ thoát nạn sóng dồn,
Tới khi khép cánh thiên - môn xuống trần,
Trước sau tường thuật một lần,
Thoạt nghe, cụ Ấm tần ngần chưa tin

— Nét xuân sao khéo giữ gìn ?
Bao năm dung - mạo như in thiếu - thời ?
Khẩn cầu Pháp - Tĩnh qua chơi,
Lão - tăng vóc hạc tám mươi vẫn cường.
Cầm tay gạn nỗi nhớ thương,
Huyền - cơ giãi tỏ đôi đường phàm, tiên.
Tin lời, Cụ Ấm hân - nhiên,
Giải nghi chuyện lạ, hàn huyên việc đời.

Trần mạt :

Theo cụ Nguyễn-Dữ, Từ-Thức sinh vào cuối đời nhà Trần.

Hồ suy :

Hồ-quý-Ly có quyền thế từ đời Trần Phế-Đế (1377 - 1388) sau khi đánh lui quân Chiêm (1382). Tự đó lộng quyền tới 1400 chiếm ngôi Thiếu-Đế ; bị quân Minh bắt năm 1401.

Mã-Kỳ Trương-Phụ :

Trương-Phụ là quan nhà Minh, sang cai-trị nước ta hồi thuộc Minh. Chính-sự rất hà-khắc tham nhũng, bắt dân tìm các thứ châu báu đem dâng.

Mã-Kỳ là tướng nhà Minh, bị Lê-Lợi đánh bại và bắt sống. Nhưng muốn giảng hòa với Tầu, Bình-Định-Vương tha cho Kỳ về nước.

Trải bao vật đổi sao dời,
Qua hồi Trần mạt, đến thời Hồ suy ;
Giang - sơn gặp buổi loạn – ly,
Bốn phương một cảnh sầu bi hãi hùng.

Tiền dân, giặc vét đến cùng,
Nhà dân, giặc đốt ngàn trùng khói đen ;
Rừng sâu ẩn tấm thân hèn,
Mạng dân như thể ngọn đèn gió lay.

Ruộng vườn trơ trụi cỏ cây,
Xương phơi nắng cháy, máu giây tro tàn ;
Vang trời muôn tiếng khóc than,
Mã - Kỳ, Trương - Phụ, một đàn hùm beo.

Ngọc ngà thế mạng dân nghèo,
Cửa sông mò ốc, bên đèo săn voi.
Vua quan nép mặt tôi đòi,
Tấm thân khuyển - mã nhục nòi vinh - quang . . .

Thuận-Thiên :

Lê-Lợi lên ngôi năm 1428, niên hiệu Thuận-Thiên.

Chinh-an :

Yên ngựa của chiến-sĩ.

Hưng công đại chẩn :

Giúp đỡ cho có công ăn việc làm để khỏi phải chẩn cấp vô ích.

Sau khi bình-định, vua Lê-Thái-Tổ khuyến khích việc doanh điền lập ấp. Rất nhiều thôn xã được lập ở vùng Thanh-Hóa, như các xã : Định-Hương, Định-Hóa (phủ Đồng-Sơn), Lê-Vinh (phủ Tĩnh-gia), v.v.. Lê-Thánh-Tôn tiếp tục công việc đó, cho lập 38 xã tại Nông-Cống, Hậu-Lộc, Tĩnh-gia, Hoằng-Hóa. Các vùng nước mặn cũng được khai khẩn, có đê ngự hàm, như vùng Hội Triều, phủ Hoằng-Hóa. Ngoài ra, còn thúc đẩy việc đào ao, đào mương, khơi ngòi, đắp đê, v.v..

(Theo tài-liệu trong pho sách Le Thanh-Hóa của Robequain—Le peuplement et la mise en valeur du delta).

Quân-điền :

Thái-Tổ nhà Lê đặt phép chia ruộng, bắt kê khai ruộng đất, hồ, bãi công, ghi bộ, rồi chia cho quan, dân, cô quả, bô lão, v.v.. Ruộng bỏ hoang không cầy cấy, thì mắc tội cưỡng-chiếm (theo Lịch Triều Hiến-chương Phan-Huy-Chú, bản dịch của Vũ-văn-Mẫu, Cao Nãi-Quang và Nguyễn-sĩ-Giác).

Quốc-Tử, Minh-Kinh :

Thái-Tổ đặt Quốc-Tử-giám cho các con nhà thường-dân học. Mở khoa thi Minh-Kinh, từ Tứ-phẩm trở xuống, phải tu nghiệp, học lại để thi.

Lam - Sơn, tuốt lưỡi gươm vàng,
Ra tay phạt bạo, Lê - Hoàng dấy binh.
Thuận - Thiên mở hội thăng - bình,
Non sông rạng rỡ bóng tinh khải - hoàn.
Mười năm gió bụi chinh - an,
Muôn năm đội đức gắn hàn đau thương.

Hưng công đại chẩn vạch đường,
Nuôi dân no ấm, ruộng nương việc đầu.
Ngự hàm, biền cạn, cày sâu,
Đào kênh dẫn nước, bắc cầu qua sông.
Quân - điền, chiêu dụ lưu - vong,
Phế tàn, cô quả, bần nông được nhờ.
Hiền - năng gặp buổi khai - cơ,
Theo đòi Quốc - Tử, đợi chờ Minh - Kinh.

An bang phù hợp dân - tình,
Hùng - tài được đất, anh - minh được lòng.

Hóa - châu nhiều núi ít đồng,

Phù - sa duyên - hải vẫn không cấy cày.

Vó bè mặt nước chân mây,

Lênh đênh khuya sớm, mấy ngày ấm no ?

Gặp mùa biển động sóng to,

Lưới treo, bụng đói, chẳng lo vun trồng.

Phì - nhiêu, trăm mẫu ngạn đông,

Nắng mưa canh tác, ước mong có người.

Ân - cần, hòa - thượng tiếp lời :

— Nghiệp - duyên muốn dứt, nợ đời chưa xong,

Luật chung đã chịu phục tòng,

Cảnh chung sinh hoạt, dốc lòng thân dân,

Sách đèn soi lối nhật - tân,

Nông tang chỉ dẫn, hương lân theo đòi . . .

Ngày qua, nước mây trôi,

Thấm thoắt, xuân hạ rồi,

Thảo - lư mới sửa, đứng ngồi tạm yên.

Cụ Ấm cho cày cuốc,

Nhà sư giúp gạo tiền,

Con trẻ gọi : — Ông tiên !

Hương - thôn rõ chuyện, thấy hiền cũng thương.

Dạy học, quen nghề cũ,

Cho đơn, kiếm thày lang,

Cố - vấn xóm rồi làng,

Bảnh bao, lại khiến mấy nàng mơ duyên . . .

Lục-vận, Chích-chợ :

Tên động, ở Thanh-Hóa. (Đã chú giải)

Phương-trượng :

cùng với Bồng-Lai
Doanh-Châu
họp thành Tam-Thần-sơn, cõi tiên (đã chú giải).

Khổn nỗi đời cô - tịch,

Sớm khuya ai đỡ đần ?

Thiếu hẳn nụ cười thán,

Bóng hình dĩ - vãng, khi gần khi xa.

Lục - Vận, nhớ Phương - Trượng,

Thần - Phù, ngán tang - thương,

Chích - Chợ, mây sầu vương,

Doanh - châu cảnh cũ, vẫn đường này chăng ?

Lạnh như băng, trông giăng mờ tỏ,

Nhắp chén quỳnh, cũng khó nên thơ !

Sớm chiều đối ảnh bơ vơ,

Non Bồng khuất nẻo, ai chờ trong sương ?

Lúc chạnh thương, soi gương nhớ bóng,

Thấm lệ sầu, mực đọng tờ mây,

Mây về nhắn bạn non Tây,

Dẫu vời bể ái, vẫn đầy nguồn ân.

Hai số phận, tiên trần khó hợp,

Cảnh, tình, duyên, như chợp giấc mơ.

Đợi ngày chắp nối dây tơ,

Tìm đường, thấy sáng, hết ngờ, phải đi .

Đừng oán trách chia ly phụ bạc,

Nghĩa xướng tùy, sống thác theo nhau.

Lều tranh, áo vải, cơm rau

Sao bằng hương sắc điện lầu non tiên !

Sầu vô - biên, tiếng huyền như khóc,

Biệt vạn trùng, nét ngọc chưa quên;

Vội vàng, ương đã xa uyên,

Khi đi không nhớ lời nguyền khi yêu !

Giờ cô - liêu, đôi điều vĩnh biệt

Vắng đáy lòng, mới biết đau thương.

Cung mây, em khóc đoạn - trường,

Cõi trần, anh muốn thấy đường Bồng - Lai !

Nhớ buổi tân - xuân lượn gót hài,
Bên vườn Lãng - uyển, tóc buông vai,
Gần xa thấp thoáng, em mơ mộng
Anh thấy không yêu, sống cũng hoài !

Hương lửa cùng em được bén duyên,
Gác vàng, hoa thắm, tấm thân tiên,
Em đương ngây ngất, anh mau tỉnh,
Phai nhạt vì anh sớm phỉ nguyền.

Hạnh - phúc ngày qua khó vãn - hồi,
Say mê vị - kỷ, máu bừng sôi,
Ước mong hòa hợp, không tìm hiểu,
Khi biết thương em, quá muộn rồi !

Cất bước ra đi, luống ngại ngùng,
Phụ tình, hối tiếc thủy vô chung.
Gần em, có lúc anh hờ hững,
Xa cách, đâu ngờ quá nhớ nhung !

Giấc mộng đêm qua vụt bóng hồng,
Gọi em, quay gót, chẳng buồn trông !
Kẻ đi không biết thương người ở
Đến lượt anh đau, mới thấu lòng . . . .

Thượng - giới, bao giờ lại gặp nhau ?
Kiếp này duyên lỡ, hẹn mai sau.
Đợi chờ hãy tạm khuây thương nhớ,
Rỏ lệ cho anh gột mối sầu !

— Lại buồn vì cuộc bể dâu ?
Trăm năm chỉ sớm bạc đầu mà thôi.
Phải chăng ân hận chia phôi,
Sớm khuya tấc dạ bồi - hồi phân - vân ?

Lời Sư gạn hỏi ân - cần,
Nỗi riêng bày tỏ, người thân giải phiền . . .

— *Sự tình xét rõ căn - nguyên,*
Chung quy vẫn nghiệp duyên oan trái
Xui ý - chí vô - thường biến cải,
Xé tâm - can tê tái đau thương.

Đứng nơi đâu cũng thấy ngã ba đường,
Lạc bước mãi bốn phương vô - định . . .
Hướng ngoại - giới hầu tìm an - tĩnh,
Đi lại về, về tính ra đi !

Nguyện thiêng - liêng quảng - đại từ - bi
Hãy tế độ, phép gì cho giải thoát !

Đã tới chốn giăng thanh gió mát,
Vườn vạn - xuân hương ngát cung mây,
Hợp thiên - duyên, cá nước vui vầy,
Dám từ bỏ, về đây theo nghĩa - vụ.

Đời rau cỏ thanh - nhàn no đủ,
Vẫn u hoài cảnh cũ với tình xưa !
Vắng tiên - nương, tục - tử sống như thừa,
Thấy trách - nhiệm, sức chưa kham nổi !

Đỉnh Hồng :

Núi Hồng-Lĩnh, miền Nghệ-An, có 99 ngọn cao.

Động Lục :

Động Lục-Vận, miền Nga-Sơn, phủ Nông-Cống Thanh-Hóa.

Lục-Dật :

(Trúc-Khê lục dật).

Sáu thi-nhân đời Đường, cùng lập xã ở Trúc-Khê để ẩn dật :

Khổng Sào-Phu, Lý-Bạch, Hàn-Chuẩn, Bùi-Chính, Trương Thúc-Ninh, Đào Miến.

Thất-Hiền :

(Trúc-lâm thất-hiền. Đã có chú-thích ở Phần I). Bảy nhà ẩn-sĩ ở Trúc-Lâm.

Khi đoàn - tụ, ước mơ thay đổi,

Lúc cô - đơn, sôi nổi muốn bôn ba !

Thôi, tiếc chi vang bóng ngày qua,

Hãy vui thú yên hà non nước Việt !

Luật tuần - hoàn giăng còn tròn khuyết,

Chuyện thường - tình, ly biệt mấy ai không ?

Sướng thân ta, bất tất phải Doanh Bồng,

Chẳng Phương - Trượng, cũng đỉnh Hồng, động Lục.

Kiếp phù - thế, nhàn tâm vì quả dục,

Còi trường - sinh, thói tục não lòng tiên.

Khóm tre xanh, lục - dật, thất - hiền

Thảng thích giữa vô - biên phong nguyệt.

Lậu - hạng :

Ngõ hẻm, tối tăm . . .

Thày Nhan-Hồi ở trong lậu-hạng, với giỏ cơm và bầu nước. Trong cảnh đó, người khác chẳng chịu được nỗi khổ. Nhan-Hồi chẳng đổi cái vui thích của mình : Khổng Phu-tử khen như vậy (Luận-ngữ).

(Hiền tai Hồi giã ! Nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu-hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi giã bất cải kỳ lạc).

Muốn siêu - thoát, đừng ước mong tha thiết,

Lòng thanh như băng tuyết cao - sơn,

Êm đềm hơn cỏ lướt ngọn xanh rờn,

Tự trấn - tĩnh :

linh - đơn trừ thống - khổ.

Chốn lậu - hạng, âu ca bằng Lạc - Phố,

Biết thủ thường, giác ngộ sáng mê - tâm.

Nỗi niềm riêng, tiếc muộn, nhớ thầm,

Theo gió thoảng, với quang - âm, vi vút biến . .

Ngược dĩ - vãng, lắng thất - tình, xua thành - kiến,

Nhận lại đường, quyết tiến, chớ hoang mang !

* * *

Non sông tỉnh giấc mơ màng,

Sương tan, le lói tia vàng mạn đông.

— *Tuổi niên - thiếu, ngựa hồng tung vó,*

Chí quật - cường, đuổi gió muôn phương.

Ngang - tàng, đâu chịu yên cương,

Bất - kham, tuấn - mã lạc đường cũng phi.

Gặp quãng dốc, kiêu kỳ chạy ngược,

Vấp đôi lần, mươi bước đã lui.

Cứng đầu, không chịu luồn chui,

Chông gai vướng lối, ngậm ngùi lánh thân.

Di-Luân :

đạo thường, cũng có nghĩa như luân thường.

Cõi phong - trần, di - luân chậm tiến,

Chí không bền, ngụy biện cầu an,

Non tiên, chẳng thấy tâm nhàn,

Phép tiên càng dễ hung tàn mà thôi.

Trọng giống nòi, qui hồi cổ - lý,

Xả tình riêng, sống vị hương lân,

Cùng đi, theo hướng tinh - thần,

Từ nơi đồng ruộng tới gần cao xanh.

Hai bước đầu... nhân sinh :

Theo các lý-thuyết tiến-hóa, nhân-loại đi từ dã-man tới văn-minh, từ chốn hầm hang tới đời sống hợp quần thành gia-đình, rồi thành quốc-gia, để tiến dần tới đại-đồng thiên-hạ.

Lo gìn giữ tinh - anh truyền - thống,

Bốn ngàn năm sức sống dâng trào,

Đức thiêng ngũ - nhạc vời cao,

Nghĩa - nhân hồn nước, cần - lao phép nhà.

Thuận trời đất, thành gia kiến quốc

Hai bước đầu đại - cuộc nhân - sinh,

Trước sau cũng một lộ - trình,

Loạn - ly thì chậm, thái - bình thì mau.

Hãy yêu nhau, vết đau chóng dịu,

Cùng chia vui, cùng chịu tang - thương

Giữ sao cho vẹn cương thường,

Huyền - cơ diệu - lý, xin nhường Lão, Trang !

Đại-đồng :

Thuyết Đại-đồng, theo Thiên " Lễ-vận đệ cửu ", đại khái như sau : tất cả nhân-loại sẽ sống đầy đủ, và tương-thân tương-ái, không có người cùng khổ, trộm cướp, kẻ bo bo ích kỷ, trái lại, mọi người đối với nhau như anh em để đi tới hòa-bình hạnh-phúc chung.

(Đại-đạo chi hành giã, thiên-hạ vi công. Tuyển hiền dữ năng, giảng tín tu mục, cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, Sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trưởng, căng quả cô-độc phế-tật giả, giai hữu sở dưỡng. Nam hữu phận, nữ hữu qui. Hóa ố kỳ khí vu địa dã, bất tất tàng vu kỷ. Lực ố kỳ bất xuất vu thân giã, bất tất vị kỷ. Thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác, cố ngoại hộ nhi bất bế. Thị vị đại-đồng).

Dưỡng dân :

Khổng-Tử đến nước Vệ, bảo học trò là Nhiễm-Hữu : dân đông rồi, thì phải làm cho dân giầu mạnh, rồi phải dạy dân (Thứ hỹ tai... viết phú chi... viết giáo chi... Luận-ngữ).

Năm cung... ngũ-luân :

Theo đạo Nho, lễ và nhạc phải đi đôi, để cải thiện con người, nhạc điều hòa tính-khí, lễ chế tiết hoạt-động

Tịt hầm hang leo thang tiến - hóa,

Chưa hết thời vương bá tương tranh,

Dưỡng dân mạnh, giáo dân lành,

Đại - đồng thiên - hạ cũng thành một mai,

Đức tin vững, bước dài, trông thẳng,

Nhạc thánh - hiền văng vẳng đưa chân,

Năm cung hòa hợp ngũ - luân,

Dứt dây xung - sát, họa vần thái - an ...

Chân trời sáng, dặm ngàn thăm thẳm,

Đường chông gai, tươi thắm phương xa :

Thiện - căn toàn - mỹ khai hoa,

Muôn năm nhân - loại một nhà đoàn - viên . . .

Trường - Sơn nhuộm sắc thanh - thiên,
Nông - thôn khói biếc, lương - điền mạ xanh.
Chân đồi san sát mái gianh,
Cửa sông phấp phới bóng mành gần xa.
Lưng trâu, mục - tử hòa ca,.
Đầu nương, bạch - lộ bay là ngọn dâu....

Dập dìu quang gánh qua cầu,
Vai mềm, yếm thắm, vết trầu miệng tươi.
Lan khói thuốc, vẳng tiếng cười,
Một mùa lúa chín gấp mười năm xưa.
Phù - sa vạch luống trâu bừa,
Cát khô rợp bóng khóm dừa, rặng thông.
Vũng lầy, tát cạn nên đồng,
Đê ngăn nước mặn, bể đông xa bờ,
Chăn tằm, dệt cửi, quay tơ,
Ngày mong quả chín, đêm chờ lưới quăng.

Thôn - trang bến cũ,
Sông nước mơ giăng,
Cành mai nẩy lộc,
Khóm trúc ra măng.

Mạ xanh dăm mẩu,
Ngan ngổng lăng quăng.
Sáo diều vi vút
Mấy điệu trầm thăng.

Cố - nhàn hai cụ
Vui chuyện hữu - bằng,
Học - trò mươi chú,
Một ngọn thanh - đăng.

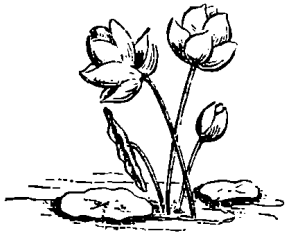

Vần thơ kim cổ,
Câu được câu chăng,
Nỗi lòng soi tỏ
May có chị Hằng . . .

Bốn mùa canh tác siêng - năng,
Xóm chài dăm mái, đã bằng mười thôn ;
Năm xưa, vũng lội, cát cồn,
Giờ đây tứ - xứ đổ dồn ngạn đông.

Đình chân núi, chợ bên sông,
Chiêu dân lập ấp, thành công dinh - điền,
Tự treo gương sáng đầu tiên,
Cày sâu cuốc bẫm một miền thênh thang . .

Mười chữ :

Vì năm đạo thường thuộc về quần-thần, phụ-tử, phu-phụ, huynh-đệ, bằng-hữu.

Dâu xanh biếc, lúa chín vàng,
Một lều, ba mái, năm làng dựng theo.
Chặt cây, đốt bụi quanh đèo,
Sườn non quang - đãng, tung gieo hạt trà.

Vó bè, mưa gió xông pha,
Bãi hoang, trồng tỉa rặng cà khóm rau.
Hương thôn đùm bọc lấy nhau,
Tình thân, chẳng đợi sang giàu mới thân.

Giảng khuyên mười chữ ngũ - luân,
Cổ kim văn - hiến, hãy ngần ấy thôi,
Người no ấm, đất vun bồi,
Gây mầm đạo - đức, nẩy chồi tinh - hoa.

Lồng sông thấp thoáng bóng tà,
Ngày qua, viễn - ảnh chưa nhoà thâm - tâm.

Đường đời bao quãng bước lầm,
Sểnh đàn, nhạn lẻ âm thầm về đâu ?
Bốn phương kiếm chốn tiêu sầu,
Hợp - quần mới biết sở - cầu đáng khinh.

Đi tìm sinh - thú một mình,
Ngàn trùng chỉ thấy lộ - trình vắng tanh.
Lãng du nước biếc non xanh,
Tiêu - dao không thỏa, lại thành hoài - nghi.

Nỗi riêng, đeo nặng như chì,
Quên mình, trút gánh sầu bi nhẹ dần.
Tâm an khi đức thấm nhuần,
Giảm phần vị - kỷ, tăng phần - vị tha.

Quê cũ, về xây dựng
Ba gian một nóc nhà.
Ấm no nhờ đất tổ,
Trong sạch, tắm ao ta.

Mực thước trăm đời vạch,
Rêu phong, nét chửa nhòa.
Móng nền, viên đá tảng,
Rường cột, gióng tre ngà.

Vườn dược tuy cằn cỗi,
Vun trồng lại nở hoa.
Trời nam dư gió mát,
Bất - tất hóng phương xa.

Giông tố

Tự điển Đào-v-Tập trang 245.

Dông tố :

Chính tả tự-vị T-v-Khải trang 91.

Trải mấy lần giông tố
Tường rung, ngại gẫy xà
Kỷ - cương may buộc chặt,
Gầm thét, mặc phong - ba.

Đông - hải buông chèo quế,
Hoàng - giang đợi bóng nga.
Muôn năm vui cảnh cũ,
Trường - tại với sơn - hà.

Ấn-quán MAI-LĨNH
717, đại-lộ Trần-hưng-Đạo, 717
SAIGON

Giấy phép của BỘ - THÔNG - TIN số 675 - XB 13 - 4 - 1959